



BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỔNG CỤC DU LỊCH



SỔ TAY

HƯỚNG DẪN CẤP NHÃN DU LỊCH XANH
CHO ĐIỂM THAM QUAN DU LỊCH



**BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TỔNG CỤC DU LỊCH**

80 Quán Sứ, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-4) 3 942 3760 - Fax: (84-4) 3 942 4115
www.vietnamtourism.gov.vn

Hà Nội, tháng 01 năm 2013



Tác giả sẽ chịu trách nhiệm về nội dung ấn phẩm này và những nội dung này không phản ánh quan điểm của Cơ quan Hợp tác phát triển quốc tế Tây Ban Nha (AECID).

(The contents of this publication are the sole responsibility of the authors and can in no way be taken to reflect the views of the Spanish Technical Cooperation (AECID))

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

LỜI NÓI ĐẦU	04
PHẦN THỨ NHẤT: BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ ĐỂ CẤP NHÃN DU LỊCH XANH CHO ĐIỂM THAM QUAN DU LỊCH	05
I. Khái niệm Nhân Du lịch xanh áp dụng cho điểm tham quan du lịch	05
II. Bộ tiêu chí Nhân Du lịch xanh áp dụng cho điểm tham quan du lịch	05
2.1. Quan điểm áp dụng	05
2.2. Cấu trúc	05
2.3. Phương pháp đánh giá	06
2.4. Các tiêu chí và biểu điểm	07
PHẦN THỨ HAI: QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ VÀ CẤP CHỨNG NHẬN NHÃN DU LỊCH XANH CHO ĐIỂM THAM QUAN DU LỊCH	19
I. Đối tượng áp dụng	19
II. Hồ sơ đề nghị cấp Chứng nhận Nhân Du lịch xanh	19
III. Tổ chức đánh giá cấp Chứng nhận Nhân Du lịch xanh	19
IV. Cấp Chứng nhận Nhân Du lịch xanh	20
V. Đối, cấp lại Chứng nhận Nhân Du lịch xanh	20
VI. Thu hồi Chứng nhận Nhân Du lịch xanh	21
VII. Điều kiện sử dụng Nhân Du lịch xanh	21
VIII. Đình chỉ sử dụng Nhân Du lịch xanh	21
IX. Trách nhiệm liên quan đến việc đề nghị và cấp Chứng nhận Nhân Du lịch xanh	21
Phụ lục 1: MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ CẤP CHỨNG NHẬN NHÃN DU LỊCH XANH CHO ĐIỂM THAM QUAN DU LỊCH	23
Phụ lục 2A: MẪU BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CỦA ĐIỂM THAM QUAN DU LỊCH THEO BỘ TIÊU CHÍ NHÃN DU LỊCH XANH	24
Phụ lục 2B: MẪU TỰ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM CỦA ĐIỂM THAM QUAN DU LỊCH THEO BỘ TIÊU CHÍ NHÃN DU LỊCH XANH	25
Phụ lục 3: MẪU CÔNG VĂN THÔNG BÁO KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN TIÊU CHÍ NHÃN DU LỊCH XANH CỦA ĐIỂM THAM QUAN DU LỊCH	38
Phụ lục 4: MẪU TỜ TRÌNH VỀ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ NHÃN DU LỊCH XANH CỦA ĐIỂM THAM QUAN DU LỊCH	39
Phụ lục 5: MẪU BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN NHÃN DU LỊCH XANH TẠI ĐIỂM THAM QUAN DU LỊCH	40
Phụ lục 6: MẪU BIÊN BẢN LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ ĐIỂM THAM QUAN DU LỊCH THEO CÁC TIÊU CHÍ NHÃN DU LỊCH XANH	41
Phụ lục 7: MẪU CHỨNG NHẬN NHÃN DU LỊCH XANH CẤP CHO ĐIỂM THAM QUAN DU LỊCH	43
Phụ lục 8: MẪU BIỂU TRƯNG NHÃN DU LỊCH XANH ÁP DỤNG CHO ĐIỂM THAM QUAN DU LỊCH	44

LỜI NÓI ĐẦU

Bảo vệ môi trường (BVMT) là nhiệm vụ cấp bách, là nghĩa vụ của mỗi tổ chức, mỗi công dân và các doanh nghiệp. Ở Việt Nam, ngày càng nhiều cơ sở dịch vụ du lịch quan tâm đến phát triển bền vững, đến du lịch có trách nhiệm, đưa ra những sáng kiến và các giải pháp chống ô nhiễm, nâng cao chất lượng môi trường.

Một trong các sáng kiến đó là áp dụng Nhãn Du lịch xanh (hoặc Nhãn sinh thái hoặc Nhãn Du lịch bền vững). Hoạt động này đã được triển khai ở nhiều nước, có hiệu quả rõ rệt đối với công tác BVMT nói riêng và phát triển du lịch bền vững nói chung.

Tháng 4 năm 2012, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành Bộ tiêu chí Nhãn du lịch bền vững Bông sen xanh làm công cụ để đánh giá, quản lý công tác BVMT đối với hệ thống cơ sở lưu trú du lịch ở Việt Nam. Đó là một bước đi tích cực, tạo đà cho việc áp dụng các tiêu chí bảo vệ môi trường trong ngành du lịch.

Nhằm nâng cao ý thức BVMT, phát triển du lịch có trách nhiệm ở Việt Nam, Tổng cục Du lịch được sự hỗ trợ của Cơ quan Hợp tác phát triển Quốc tế Tây Ban Nha (AECID) xây dựng các Bộ tiêu chí Nhãn Du lịch xanh cho 4 loại cơ sở dịch vụ du lịch: nhà hàng phục vụ khách du lịch, cửa hàng mua sắm phục vụ khách du lịch, điểm dừng chân phục vụ khách du lịch, điểm tham quan du lịch. Nhóm chuyên gia đã khảo sát, nghiên cứu thực địa ở nhiều cơ sở dịch vụ du lịch, đề xuất cách thức, quy trình đánh giá để cấp Nhãn Du lịch xanh cho các cơ sở dịch vụ du lịch trên. Đây là các hướng dẫn cơ bản để các nhà đầu tư, nhà quản lý và nhân viên các cơ sở dịch vụ du lịch áp dụng nhằm đưa cơ sở trở thành một điểm du lịch xanh, góp phần bảo vệ môi trường tự nhiên và xã hội, góp phần đưa Du lịch Việt Nam thành ngành kinh tế phát triển bền vững.

Tài liệu này sẽ hữu ích cho các cơ sở du lịch, các cán bộ hoạt động du lịch và những ai quan tâm đến du lịch./.

PHẦN THỨ NHẤT

BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ ĐỂ CẤP NHÃN DU LỊCH XANH CHO ĐIỂM THAM QUAN DU LỊCH

I. KHÁI NIỆM NHÃN DU LỊCH XANH ÁP DỤNG CHO ĐIỂM THAM QUAN DU LỊCH

- Điểm tham quan du lịch là nơi có tài nguyên tự nhiên hoặc nhân văn, có các dịch vụ phục vụ khách du lịch, do tổ chức hoặc cá nhân quản lý, gồm: khu vực tham quan, bãi đỗ xe, khu vệ sinh công cộng. Ngoài ra, Điểm tham quan du lịch có thể có thêm dịch vụ ăn uống (nhà hàng), dịch vụ mua sắm (cửa hàng mua sắm), đáp ứng được yêu cầu của khách du lịch.

- Nhãn Du lịch xanh áp dụng cho Điểm tham quan du lịch là nhãn hiệu cấp cho các Điểm tham quan du lịch đạt được các quy định của bộ tiêu chí này. Điểm tham quan du lịch được cấp Nhãn Du lịch xanh là những điểm có nỗ lực trong việc bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên, năng lượng, góp phần bảo vệ các di sản, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương và phát triển du lịch bền vững.

II. BỘ TIÊU CHÍ NHÃN DU LỊCH XANH ÁP DỤNG CHO ĐIỂM THAM QUAN DU LỊCH

2.1. Quan điểm áp dụng:

Trong quá trình áp dụng, Bộ tiêu chí Nhãn Du lịch xanh áp dụng cho Điểm tham quan du lịch sẽ được sửa đổi, bổ sung nếu cần thiết để phù hợp với trình độ kỹ thuật, công nghệ và hiểu biết về các vấn đề môi trường của con người.

2.2. Cấu trúc:

- Bộ tiêu chí Nhãn Du lịch xanh áp dụng cho Điểm tham quan du lịch gồm 174 tiêu chí, trong đó có 51 tiêu chí bắt buộc và 123 tiêu chí chấm điểm.

- Bộ tiêu chí Nhãn Du lịch xanh áp dụng cho Điểm tham quan du lịch được sắp xếp thành 6 nhóm chính:

+ Nhóm A. Chính sách quản lý và hoạt động phát triển bền vững của đơn vị, gồm 25 tiêu chí, trong đó có 10 tiêu chí bắt buộc và 15 tiêu chí chấm điểm.

+ Nhóm B. Khu vực tham quan, gồm 11 tiêu chí, trong đó có 6 tiêu chí bắt buộc và 5 tiêu chí chấm điểm.

+ Nhóm C. Bãi đỗ xe, gồm 7 tiêu chí, trong đó có 2 tiêu chí bắt buộc và 5 tiêu chí chấm điểm.

+ Nhóm D. Nhà vệ sinh công cộng, gồm 21 tiêu chí, trong đó có 8 tiêu chí bắt buộc và 13 tiêu chí chấm điểm.

+ Nhóm E. Nhà hàng, gồm 62 tiêu chí, trong đó có 13 tiêu chí bắt buộc và 49 tiêu chí chấm điểm.

+ Nhóm G. Cửa hàng mua sắm, gồm 48 tiêu chí, trong đó có 12 tiêu chí bắt buộc và 36 tiêu chí chấm điểm.

2.3. Phương pháp đánh giá:

- Nguyên tắc đánh giá:
 - + Các tiêu chí bắt buộc: Không chấm điểm, chỉ đánh giá đạt hay không đạt.
 - + Các tiêu chí khác: Chấm điểm 0 hoặc 1 (Chấm điểm 0 đối với các tiêu chí không được thực hiện hoặc thực hiện không thường xuyên, liên tục; chấm điểm 1 đối với các tiêu chí thực hiện tốt).
- Các nhóm Điểm tham quan du lịch:
 - + Nhóm 1: Điểm tham quan gồm có Khu vực tham quan, Bãi đỗ xe và Vệ sinh công cộng.
 - + Nhóm 2: Điểm tham quan gồm có Khu vực tham quan, Bãi đỗ xe, Vệ sinh công cộng và Nhà hàng.
 - + Nhóm 3: Điểm tham quan gồm có Vệ sinh công cộng, Bãi đỗ xe và Cửa hàng mua sắm.
 - + Nhóm 4: Điểm tham quan gồm có Vệ sinh công cộng, Bãi đỗ xe, Nhà hàng và Cửa hàng mua sắm.
- Nhân Du lịch xanh được cấp cho Điểm tham quan du lịch: khi đạt được các tiêu chí bắt buộc và điểm tối thiểu cho các tiêu chí khác, tùy thuộc vào loại điểm tham quan, cụ thể:
 - + Điểm tham quan thuộc nhóm 1: đạt 26 tiêu chí bắt buộc (tức đạt 100% các tiêu chí bắt buộc) và tối thiểu đạt 30/38 điểm (tức đạt 80% tổng các tiêu chí khác được đánh giá của các nhóm A, B, C, D) sẽ được cấp Nhân Du lịch xanh.
 - + Điểm tham quan thuộc nhóm 2: đạt 39 tiêu chí bắt buộc (tức đạt 100% các tiêu chí bắt buộc) và tối thiểu đạt 68/87 điểm (tức đạt 80% tổng các tiêu chí khác được đánh giá của các nhóm A, B, C, D, E) sẽ được cấp Nhân Du lịch xanh.
 - + Điểm tham quan thuộc nhóm 3: đạt 38 tiêu chí bắt buộc (tức đạt 100% các tiêu chí bắt buộc) và tối thiểu đạt 59/74 điểm (tức đạt 80% tổng các tiêu chí khác được đánh giá của các nhóm A, B, C, D, G) sẽ được cấp Nhân Du lịch xanh.
 - + Điểm tham quan thuộc nhóm 4: đạt 51 tiêu chí bắt buộc (tức đạt 100% các tiêu chí bắt buộc) và tối thiểu đạt 97/123 điểm (tức đạt 80% tổng các tiêu chí khác được đánh giá của các nhóm A, B, C, D, E, G) sẽ được cấp Nhân Du lịch Xanh.

Cụ thể như bảng sau:

NHÓM TIÊU CHÍ	TIÊU CHÍ			ĐIỂM CẦN ĐẠT
	TỔNG SỐ	BẮT BUỘC	ĐÁNH GIÁ	
A. Chính sách quản lý BVMT	25	10	15	
B. Điểm tham quan	11	6	5	
C. Bãi đỗ xe	7	2	5	
D. Nhà vệ sinh công cộng	21	8	13	
E. Nhà hàng	62	13	49	

NHÓM TIÊU CHÍ	TIÊU CHÍ			ĐIỂM CẦN ĐẠT
	TỔNG SỐ	BẮT BUỘC	ĐÁNH GIÁ	
G. Cửa hàng mua sắm	48	12	36	
Tổng cộng:	174	51	123	
A+B+C+D	64	26	38	30
A+B+C+D+E	126	39	87	68
A+B+C+D+G	112	38	74	59
A+B+C+D+E+G	174	51	123	97

2.4. Các tiêu chí và biểu điểm:

MÃ SỐ	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	LOẠI TIÊU CHÍ	
		TIÊU CHÍ BẮT BUỘC	TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM (TỐI ĐA)
A	CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (BVMT) VÀ HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA ĐƠN VỊ		15
A1	Chính sách quản lý, bảo vệ môi trường, đóng góp vào mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương		10
A1.1	Có lập kế hoạch hàng năm về thực hiện các hoạt động quản lý và bảo vệ môi trường	X	
A1.2	Có văn bản hướng dẫn các cơ sở dịch vụ trong điểm tham quan thực hiện các hoạt động quản lý và bảo vệ môi trường và hỗ trợ phát triển cộng đồng địa phương	X	
A1.3	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ hàng năm về kết quả thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường và cải tiến hoạt động BVMT của điểm tham quan	X	
A1.4	Có chính sách về bảo vệ môi trường tự nhiên và môi trường nhân văn, bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử, văn hóa của dân tộc		1
A1.5	Có lập kế hoạch hàng năm về các hoạt động hỗ trợ phát triển cộng đồng địa phương		1
A1.6	Có thông báo về chính sách bảo vệ môi trường để tại vị trí dễ thấy tại khu vực đón tiếp và trong khu vực tham quan		1
A1.7	Có hoạt động yêu cầu các nhà cung cấp hỗ trợ thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường		1
A1.8	Có tham gia vào các hoạt động vì môi trường của địa phương		1
A1.9	Có đóng góp (tài chính, nhân lực hoặc vật chất) cho các hoạt động phát triển cộng đồng tại địa phương		1
A1.10	Sử dụng trên 30% lao động là nữ hoặc người dân tộc thiểu số		1

MÃ SỐ	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	LOẠI TIÊU CHÍ	
		TIÊU CHÍ BẮT BUỘC	TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM (TỐI ĐA)
A1.11	Sử dụng trên 50% lao động địa phương hoặc lao động đến từ các vùng kém phát triển		1
A1.12	Người lao động tại điểm tham quan được kiểm tra sức khỏe định kỳ		1
A1.13	Sử dụng văn hóa truyền thống trong kiến trúc, trang trí, thiết kế các công trình, dịch vụ, sản phẩm của điểm tham quan		1
A2	Nâng cao nhận thức cho người lao động tại điểm tham quan, cộng đồng cư dân xung quanh điểm tham quan về tầm quan trọng và hướng dẫn việc bảo vệ môi trường tự nhiên, môi trường nhân văn, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, xã hội		
A2.1	Tổ chức phổ biến, tuyên truyền, tập huấn cho người lao động làm việc tại các cơ sở dịch vụ trong điểm tham quan về các vấn đề bảo vệ môi trường tự nhiên tối thiểu 1 năm/lần (ví dụ: phổ biến về việc nghiêm cấm những hành vi phá hoại, hủy hoại, thay đổi môi trường sinh thái, làm ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt, ô nhiễm không khí, tiếng ồn; thực hành tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm nước; về việc bảo vệ động thực vật hoang dã...)	X	
A2.2	Tổ chức phổ biến, tuyên truyền, tập huấn cho người lao động làm việc tại các cơ sở dịch vụ trong điểm tham quan về bảo vệ môi trường nhân văn, về các vấn đề văn hóa, xã hội tối thiểu 1 năm/lần (ví dụ: phổ biến về việc nghiêm cấm những hành vi xâm hại các di sản văn hóa, lịch sử, về phòng chống các tệ nạn xã hội...)	X	
A2.3	Có nội quy, quy trình hướng dẫn người lao động thực hành bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm năng lượng, nước, nguyên liệu trong công việc	X	
A2.4	Bổ trí cán bộ quản lý môi trường chuyên trách hoặc kiêm nhiệm để điều phối các hoạt động quản lý và bảo vệ môi trường trong điểm tham quan	X	
A2.5	Có bảng phân công người lao động trong hoạt động bảo vệ môi trường và có hình thức khen thưởng, động viên khi tham gia tích cực vào các hoạt động quản lý và bảo vệ môi trường	X	
A2.6	Tổ chức tuyên truyền, vận động cộng đồng dân cư xung quanh điểm tham quan tham gia công tác bảo vệ môi trường tự nhiên và môi trường nhân văn, đảm bảo cảnh quan sạch, đẹp, xã hội văn minh...		1
A3	Hướng dẫn khách tham gia bảo vệ môi trường tự nhiên và môi trường nhân văn		4
A3.1	Có tài liệu (sách, tờ rơi, pano, bảng...) hướng dẫn du khách tham gia bảo vệ môi trường du lịch tại điểm tham quan (ví dụ: việc hướng dẫn khách không bẻ cành, chặt cây; không khắc vẽ lên thân cây, vách đá, hang động, tường rào các di tích lịch sử, văn hóa...)	X	

Mã số	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	LOẠI TIÊU CHÍ	
		TIÊU CHÍ BẮT BUỘC	TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM (TỐI ĐA)
A3.2	Có tài liệu (sách, tờ rơi...) phổ biến các quy định về việc khai thác, mua bán động thực vật hoang dã, cổ vật... cho khách	X	
A3.3	Có tài liệu (sách, tờ rơi...) giới thiệu về di sản văn hóa, di sản thiên nhiên tại địa phương cho khách		1
A3.4	Có tài liệu (sách, tờ rơi...) giới thiệu phong tục tập quán, tín ngưỡng của địa phương, hướng dẫn để khách có hành vi thích hợp		1
A3.5	Thu thập ý kiến của khách bằng sổ hoặc bảng câu hỏi về vấn đề môi trường, văn hóa, xã hội và chất lượng dịch vụ		1
A3.6	Có hình thức khen thưởng, động viên khách tham gia tích cực vào các hoạt động quản lý và bảo vệ môi trường		1
B	KHU VỰC THAM QUAN		5
B1	Có bảng nội quy về bảo vệ môi trường tại điểm tham quan	X	
B2	Không xây dựng các công trình xâm hại đến cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử, văn hóa	X	
B3	Không bắt giữ, nuôi nhốt động vật hoang dã, quý hiếm... trừ khi hoạt động đó mang tính bảo tồn và được pháp luật cho phép	X	
B4	Có hệ thống thu gom, xử lý rác thải, nước thải cho toàn bộ điểm tham quan	X	
B5	Không sử dụng các phương tiện giao thông gây ô nhiễm không khí, lắp đặt thiết bị tăng âm trái quy định gây tiếng ồn	X	
B6	Có biện pháp phòng ngừa và ngăn chặn tệ nạn xã hội như cờ bạc, mại dâm, mê tín dị đoan, ăn xin, chèo kéo, bắt chẹt khách du lịch... như phối hợp liên ngành...	X	
B7	Có hệ thống biển báo, chỉ dẫn việc bảo vệ môi trường tại điểm tham quan		1
B8	Thực hiện việc phân loại và bảo quản rác thải hợp vệ sinh: rác tái chế để bán, rác hữu cơ cho chăn nuôi hay làm phân compost và rác thải độc hại để xử lý riêng theo luật định		1
B9	Không vùi lấp đồ ăn thừa, vỏ chai, vỏ hộp, túi nilon và các phế thải xuống đất		1
B10	Tạo cảnh quan môi trường sinh thái như cây xanh, thảm cỏ... trong và ngoài điểm tham quan		1
B11	Tưới cây vào sáng sớm và chiều tối		1
C	BÃI ĐỖ XE		5
C1	Có hệ thống thoát nước	X	
C2	Có nhân viên điều hành trực ở bãi đỗ xe	X	

Mã số	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	LOẠI TIÊU CHÍ	
		TIÊU CHÍ BẮT BUỘC	TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM (TỐI ĐA)
C3	Có cây xanh xung quanh khu vực bãi đỗ xe		1
C4	Sử dụng bóng đèn tiết kiệm điện		1
C5	Lưới che, mái che (nếu có) làm bằng vật liệu thân thiện với môi trường		1
C6	Sử dụng năng lượng tự nhiên, năng lượng tái tạo (như năng lượng mặt trời, nước, gió...)		1
C7	Có biển chỉ dẫn tới các khu vực của điểm tham quan, sử dụng bảng năng lượng mặt trời hoặc đèn led (không sử dụng bảng điện tử) để tiết kiệm năng lượng		1
D	NHÀ VỆ SINH CÔNG CỘNG		13
D1	Tiết kiệm năng lượng		3
D1.1	Đọc, ghi nhận các chỉ số tiêu thụ điện hàng tháng và lập chỉ số quản lý việc tiêu thụ điện	X	
D1.2	Lắp đặt đồng hồ giám sát năng lượng tiêu thụ hàng tháng	X	
D1.3	Có lịch trình, chương trình vệ sinh và bảo trì các thiết bị điện hàng tháng	X	
D1.4	Sử dụng bóng tiết kiệm điện (bóng compact, led), bóng với công suất phù hợp với từng khu vực		1
D1.5	Tận dụng tối đa chiếu sáng và thông gió tự nhiên cho các khu vực lối ra vào, trong phòng vệ sinh và khu vực rửa tay (ví dụ: dùng cửa chớp cho nhà vệ sinh)		1
D1.6	Có kiểm toán điện hàng năm (tập hợp các số liệu tiêu thụ điện và hóa đơn thanh toán của các tháng trong năm, tổng hợp, phân tích, đánh giá, so sánh với các chỉ tiêu quy định và đề xuất chỉ tiêu cải tiến cho năm sau)		1
D2	Tiết kiệm nước		7
D2.1	Ghi chép số liệu tiêu thụ nước hàng tháng, lập chỉ số quản lý tiêu thụ nước hàng ngày	X	
D2.2	Phân công người kiểm tra các thiết bị nước hàng ngày để tránh hiện tượng rò rỉ nước	X	
D2.3	Quản lý tiêu thụ nước		
D2.3.1	Sử dụng công nghệ để ngăn chặn sự ô nhiễm nước cấp, nước thải và làm giảm lượng nước thải sinh ra		1
D2.3.2	Thực hiện kiểm toán nước hàng năm (tập hợp các số liệu tiêu thụ nước và hóa đơn thanh toán của các tháng trong năm, tổng hợp, phân tích, đánh giá, so sánh với các chỉ tiêu quy định và đề xuất chỉ tiêu cải tiến cho năm sau)		1
D2.4	Sử dụng thiết bị tiết kiệm nước		

Mã số	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	LOẠI TIÊU CHÍ	
		TIÊU CHÍ BẮT BUỘC	TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM (TỐI ĐA)
D2.4.1	Lắp đặt vòi hạn dòng để tiết kiệm nước		1
D2.4.2	Lắp đặt bồn cầu với hệ thống 2 mức xả phù hợp, tiết kiệm nước		1
D2.4.3	Lắp đặt vòi cảm ứng, bồn tiểu cảm ứng		1
D2.4.4	Có thiết bị thu và cất trữ nước mưa		1
D2.4.5	Lắp đặt vòi nước tự động tại bồn rửa và bồn tiểu nam		1
D3	Xử lý và hạn chế chất thải		3
D3.1	Lắp đặt hệ thống xử lý nước thải đảm bảo chất lượng nước đầu ra theo quy định	X	
D3.2	Rác và chất thải được chuyển ra khỏi khu vệ sinh công cộng ít nhất 4 lần/ngày	X	
D3.3	Sử dụng hóa chất tẩy rửa thân thiện với môi trường, có nhãn sinh thái, nhãn xanh, "Eco label" ở trên sản phẩm	X	
D3.4	Sử dụng thùng rác làm bằng chất liệu thân thiện với môi trường, dễ vệ sinh		1
D3.5	Giảm thiểu tiến đến không sử dụng túi đựng làm bằng vật liệu khó phân hủy (ví dụ: túi ny-lon...) để thu gom rác		1
D3.6	Tái sử dụng đồ vải cũ làm giẻ lau thay vì dùng giấy để lau chùi các thiết bị, trang bị trong khu vực nhà vệ sinh công cộng, tái sử dụng khăn lau tay ở khu vệ sinh (khăn được giặt sạch hàng ngày)		1
E	NHÀ HÀNG		49
E1	Tiết kiệm năng lượng		17
E1.1	Lắp đặt đồng hồ giám sát năng lượng tiêu thụ hàng tháng	X	
E1.2	Có lịch trình, chương trình vệ sinh và bảo trì các thiết bị điện hàng tháng	X	
E1.3	Có kiểm toán điện hàng năm (tập hợp các số liệu tiêu thụ điện và hóa đơn thanh toán của các tháng trong năm, tổng hợp, phân tích, đánh giá, so sánh với các chỉ tiêu quy định và đề xuất chỉ tiêu cải tiến cho năm sau)		1
E1.4	Sử dụng bóng tiết kiệm điện (bóng compact)	X	
E1.5	Quản lý tiêu thụ năng lượng		
E1.5.1	Tính chỉ số tiêu thụ điện của nhà hàng hàng tháng (không tính thiết bị trong bếp)		1
E1.5.2	Lắp đặt hệ thống lọc nước tự động uống tại vòi để nhân viên sử dụng được		1
E1.5.3	Có quy trình tiết kiệm năng lượng và giám sát việc thực hiện		1
E1.5.4	Sử dụng các cách khác trong quản lý và tiết kiệm năng lượng hiệu quả		1

Mã số	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	LOẠI TIÊU CHÍ	
		TIÊU CHÍ BẮT BUỘC	TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM (TỐI ĐA)
E1.6	Sử dụng thiết bị tiết kiệm trong khu vực bếp		
E1.6.1	Sử dụng thiết bị tiết kiệm điện, các thiết bị có nhãn sinh thái Eco hay Star Energy hoặc tương đương (ví dụ: máy rửa bát đĩa, máy sấy khô tay có công suất < 1500 W và sấy trong vòng ít hơn 15 giây...)		1
E1.6.2	Có lắp tấm rèm chắn bằng nhựa chống thoát nhiệt tại cửa của nhà lạnh, kho lạnh chứa thực phẩm, đồ dùng nhà bếp		1
E1.6.3	Có lắp đặt bộ điều chỉnh nhiệt được lập trình cho các thiết bị nhiệt như lò nướng, rán...		1
E1.7	Sử dụng hệ thống điều hòa nóng, lạnh, thông gió tiết kiệm năng lượng		
E1.7.1	Sử dụng hệ thống điều hòa tiết kiệm năng lượng (điều hòa với nhãn Eco, điều hòa tổng...) (Đối với vùng khí hậu không cần dùng điều hòa: chỉ tiêu này được đánh giá 1 điểm)		1
E1.7.2	Sử dụng hệ thống điều hòa nóng lạnh phù hợp với không gian, công suất và mục đích sử dụng (ví dụ: khu vực cho khách, khu vực nhân viên...) (Đối với vùng khí hậu không cần dùng điều hòa: chỉ tiêu này được đánh giá 1 điểm)		1
E1.7.3	Sử dụng hệ thống rèm cửa số 2 lớp (giúp chắn sáng và cách nhiệt)		1
E1.7.4	Có thiết bị điều khiển cảm ứng hoặc tương đương để điều chỉnh luồng không khí trong nhà hàng sao cho duy trì nồng độ khí các bon trong nhà hàng không quá 700 ppm so với nồng độ khí các bon bên ngoài trời		1
E1.8	Sử dụng hệ thống chiếu sáng tiết kiệm năng lượng		
E1.8.1	Chia từng khu vực trong nhà hàng, sử dụng ánh sáng phù hợp với từng khu vực (ví dụ: khu vực cho khách, khu vực bếp, nhân viên...)		1
E1.8.2	Sử dụng đèn cảm biến ở khu vực ít sử dụng (ví dụ: ngoài sân, nhà vệ sinh...)		1
E1.9	Các biện pháp khác nâng cao tính hiệu quả của việc quản lý và sử dụng điện một cách hợp lý và hiệu quả		
E1.9.1	Sử dụng các nguồn năng lượng khác (nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng gió, năng lượng mặt trời...)		1
E1.9.2	Sử dụng thiết bị chuyển nhiệt như bơm nhiệt (ví dụ: thu nhiệt từ thiết bị điều hòa trung tâm phục vụ làm nóng nước...)		1
E1.9.3	Các biện pháp, sáng kiến khác		1
E2	Tiết kiệm nước		12
E2.1	Lắp đặt thiết bị giám sát lượng nước tiêu thụ hàng tháng (ví dụ đồng hồ đo nước...)	X	

Mã số	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	LOẠI TIÊU CHÍ	
		TIÊU CHÍ BẮT BUỘC	TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM (TỐI ĐA)
E2.2	Có lịch trình, chương trình quản lý bảo dưỡng thiết bị nước hàng tháng	X	
E2.3	Có kiểm toán nước hàng năm (tập hợp các số liệu tiêu thụ nước và hóa đơn thanh toán của các tháng trong năm, tổng hợp, phân tích, đánh giá, so sánh với các chỉ tiêu quy định và đề xuất chỉ tiêu cải tiến cho năm sau)		1
E2.4	Quản lý tiêu thụ nước		
E2.4.1	Có phân công người kiểm tra các thiết bị nước hàng ngày để tránh hiện tượng rò rỉ nước		1
E2.4.2	Tưới cây vào tối muộn hoặc sáng sớm		1
E2.4.3	Không xả nước để rửa đĩa thức ăn mà làm tan đá ngay trong tủ lạnh		1
E2.4.4	Không xả nước nóng liên tục vào bể máy, thiết bị lọc dầu mỡ khi làm công tác vệ sinh		1
E2.4.5	Tái sử dụng nước xám (ví dụ: nước sau khi rửa rau, quả, nước giặt cuối... phục vụ cho mục đích phi vệ sinh như cọ rửa sân vườn hoặc tưới cây)		1
E2.4.6	Chỉ phục vụ nước khi được yêu cầu (có biển thông báo cho khách hàng trước)		1
E2.5	Sử dụng thiết bị tiết kiệm nước		
E2.5.1	Lắp đặt vòi hạn dòng để tiết kiệm nước		1
E2.5.2	Lắp đặt bồn cầu với hệ thống 2 mức xả phù hợp, tiết kiệm nước		1
E2.5.3	Lắp đặt vòi cảm ứng, bồn tiểu cảm ứng		1
E2.5.4	Lắp đặt các thiết bị sử dụng nước hiệu quả và tiết kiệm khác (ví dụ: máy rửa bát, máy làm đá...)		1
E2.5.5	Có thiết bị thu và cất trữ nước mưa		1
E3	Sử dụng thực phẩm bền vững		6
E3.1	Sử dụng thực phẩm (thức ăn, đồ uống), chất phụ gia, nguyên vật liệu là chất hữu cơ, đảm bảo chất lượng, vệ sinh, an toàn. Không sử dụng hoá chất và các chất phụ gia độc hại để sản xuất, chế biến món ăn, đồ uống.	X	
E3.2	Không bắt giữ, chế biến các động, thực vật quý hiếm	X	
E3.3	Sử dụng thực phẩm có nguồn gốc trong nước, khuyến khích từ các nông trại của địa phương hoặc gần địa phương (bán kính 30km)		1
E3.4	Tùy theo từng loại hình nhà hàng, có chính sách khuyến khích sáng tạo và chế biến các món ăn từ thực vật, hoa quả, hạn chế sử dụng các thực phẩm từ động vật.		1
E3.5	Hạn chế phục vụ khách nước uống đóng chai, thay vào đó phục vụ nước do nhà hàng chế biến		1

Mã số	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	LOẠI TIÊU CHÍ	
		TIÊU CHÍ BẮT BUỘC	TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM (TỐI ĐA)
E3.6	Có các biện pháp quảng cáo, tuyên truyền về thực phẩm sạch, có lợi cho sức khỏe với khách hàng		1
E3.7	Quảng bá và khuyến khích khách hàng sử dụng thức ăn hữu cơ (thức ăn dùng thực phẩm hữu cơ và không sử dụng hoá chất và các chất phụ gia để sản xuất, chế biến)		1
E3.8	Đặt mua các sản phẩm như thực đơn, túi đựng, khay... làm từ các nguyên liệu tái chế		1
E4	Xử lý và giảm thiểu chất thải		11
E4.1	Có ký hợp đồng với các công ty tái chế rác, công ty chuyển rác và công ty xử lý chất thải	X	
E4.2	Sử dụng công nghệ để ngăn chặn sự ô nhiễm nước cấp và nước thải và làm giảm lượng nước thải sinh ra.	X	
E4.3	Chuyển rác ra khỏi bếp ngày 2 lần, chuyển rác tới nơi xử lý ngày 1 lần	X	
E4.4	Đánh dấu, sắp xếp khi mua thực phẩm, đồ uống mới để nhân viên sử dụng thực phẩm theo thứ tự thời gian nhập hàng, tránh đồ ăn, thức uống bị quá hạn, bị hỏng	X	
E4.5	Xử lý chất thải		
E4.5.1	Lắp đặt hệ thống xử lý nước thải, có lắp đặt chặn rác, bẫy mỡ để giảm tải trọng hệ thống nước thải.		1
E4.5.2	Rửa sạch các thiết bị bếp có dính mỡ như chảo rán, thiết bị rán..., vệ sinh thiết bị bẫy mỡ, lọc dầu mỡ hàng ngày để đảm bảo các thiết bị hoạt động hiệu quả và bền lâu		1
E4.5.3	Phân loại chất thải rắn: rác thải ướt (thức ăn), rác thải có thể tái chế (đồ kim loại, thủy tinh, giấy, bia...), rác thải để ủ làm phân bón (lá cây), rác thải chuyển đi xử lý và rác thải độc hại		1
E4.6	Giảm thiểu chất thải		
E4.6.1	Giảm thiểu tiến đến không sử dụng túi đựng làm bằng vật liệu khó phân hủy (ví dụ: túi ny-lon...). Thay thế sử dụng các loại túi có chất liệu thân thiện với môi trường		1
E4.6.2	Thực hiện bảo quản, gìn giữ các thiết bị, đồ dùng trong nhà hàng, khuyến khích sử dụng đồ đạc, trang thiết bị chất lượng tốt, bền		1
E4.6.3	Hạn chế mua sắm, sử dụng các thiết bị không cần thiết cho việc kinh doanh nhà hàng (ví dụ: đồ trang trí không cần thiết, bàn ghế, lắp quá nhiều đèn...)		1
E4.6.4	Các đồ ăn không phục vụ khách, có thể tận dụng cho nhân viên hoặc quyên góp cho người nghèo		1
E4.6.5	Thu gom thức ăn thừa vào thùng chuyên dụng đựng thức ăn để đảm bảo vệ sinh thực phẩm khi tái sử dụng cho chăn nuôi gia súc		1

Mã số	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	LOẠI TIÊU CHÍ	
		TIÊU CHÍ BẮT BUỘC	TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM (TỐI ĐA)
E4.6.6	Sử dụng các vật liệu thân thiện với môi trường, sử dụng hoặc tái sử dụng các vật liệu có thể tái sử dụng được (ví dụ: sử dụng chai, lọ...)		1
E4.6.7	Tái sử dụng đồ vải cũ làm giẻ lau thay vì dùng giấy để lau chùi. Tái sử dụng khăn lau tay tại khu rửa tay cho khách và nhân viên (khăn được giặt sạch hàng ngày)		1
E4.6.8	Thực hiện tiết kiệm giấy, mực in (in và photo hai mặt giấy)		1
E5	Giảm thiểu sự ô nhiễm và sử dụng hóa chất thân thiện với môi trường		3
E5.1	Không sử dụng các hóa chất có chất độc dễ bay hơi ở nhiệt độ thường gây hại cho sức khỏe và môi trường (ví dụ: chất VOCs có thể có ở trong sơn; chất Chlorofluorocarbon (CFC) có trong môi chất của tủ lạnh, tủ đông, bình xịt...)	X	
E5.2	Sử dụng hóa chất tẩy rửa thân thiện với môi trường, có nhãn sinh thái, nhãn xanh, "Eco label" ở trên sản phẩm (tham khảo tại trang web của Trung tâm Phân tích và Chuyển giao Công nghệ Môi trường)	X	
E5.3	Quần áo của nhân viên, cửa đầu bếp, khăn lau, khăn trải bàn và các loại khăn khác dùng trong nhà hàng được làm bằng chất liệu thân thiện với môi trường như sợi hữu cơ...		1
E5.4	Sử dụng các đồ trang trí "bền vững" – làm bằng vật liệu thân thiện với môi trường ví dụ như dùng sáp ong, hạn chế không dùng nến đốt, thay thế bằng dùng đèn Led...		1
E5.5	Bàn ghế đồ dùng, vật liệu trong nhà hàng được làm từ các vật liệu công nghiệp, vật liệu tái chế, vật liệu thân thiện với môi trường		1
G	CỬA HÀNG MUA SẮM		36
G1	Giới thiệu về văn hoá truyền thống và sản phẩm của địa phương		4
G1.1	Bán các hàng hóa đảm bảo chất lượng và thân thiện với môi trường, ưu tiên các sản phẩm của địa phương nhưng không phải là kết quả của hành vi phá hoại môi trường	X	
G1.2	Khách có thể được tham gia sản xuất sản phẩm đặc thù của địa phương (nếu có chế tác tại cơ sở hay làng nghề)		1
G1.3	Giới thiệu với khách các sản phẩm độc đáo của địa phương		1
G1.4	Tổ chức giới thiệu một số công đoạn sản xuất sản phẩm đặc thù của địa phương hoặc có chiếu phim minh họa		1
G1.5	Có nhân viên hay thợ thủ công trình diễn các thao tác, quy trình tạo ra sản phẩm (nếu có chế tác tại cơ sở hay làng nghề)		1
G2	Tiết kiệm năng lượng		12

Mã số	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	LOẠI TIÊU CHÍ	
		TIÊU CHÍ BẮT BUỘC	TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM (TỐI ĐA)
G2.1	Có lịch trình, chương trình vệ sinh và bảo trì các thiết bị điện hàng tháng	X	
G2.2	Đọc, ghi nhận chỉ số tiêu thụ điện của cửa hàng hàng tháng và lập chỉ số quản lý việc tiêu thụ điện	X	
G2.3	Quản lý tiêu thụ năng lượng		
G2.3.1	Lắp đặt đồng hồ giám sát năng lượng tiêu thụ hàng tháng		1
G2.3.2	Có kiểm toán điện hàng năm (tập hợp các số liệu tiêu thụ điện và hóa đơn thanh toán của các tháng trong năm, tổng hợp, phân tích, đánh giá, so sánh với các chỉ tiêu quy định và đề xuất chỉ tiêu cải tiến cho năm sau)		1
G2.4	Kiến trúc tiết kiệm năng lượng của cửa hàng		
G2.4.1	Kiến trúc đảm bảo tính thân thiện với môi trường (hướng mặt trời không chiếu thẳng vào khu mua sắm, chống gió lùa...)		1
G2.4.2	Kiến trúc sử dụng chiếu sáng và thông gió tự nhiên		1
G2.5	Có lắp đặt và sử dụng công nghệ/ kỹ thuật tiết kiệm năng lượng		
G2.5.1	Sử dụng thiết bị tiết kiệm điện, các thiết bị có nhãn sinh thái Eco hay Star Energy hoặc tương đương (ví dụ: máy tính, tủ lạnh, máy điều hòa...)		1
G2.5.2	Sử dụng các nguồn năng lượng tự nhiên (nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng gió, năng lượng mặt trời...)		1
G2.5.3	Sử dụng hệ thống điều hòa nóng lạnh phù hợp với không gian, công suất và mục đích sử dụng (Đối với vùng khí hậu không cần dùng điều hòa: chỉ tiêu này được đánh giá 1 điểm)		1
G2.5.4	Sử dụng hệ thống rèm giúp chắn sáng và cách nhiệt tốt		1
G2.5.5	Sử dụng bóng đèn tiết kiệm (bóng compact, đèn led...)		1
G2.5.6	Chia từng khu vực trong cửa hàng, sử dụng ánh sáng phù hợp với từng khu vực (ví dụ: khu vực cho khách, khu vực nhân viên...)		1
G2.5.7	Sử dụng đèn cảm biến ở khu vực ít sử dụng (ví dụ: ngoài sân, nhà vệ sinh...)		1
G2.5.8	Có các biện pháp khác nâng cao tính hiệu quả của việc quản lý và sử dụng điện		1
G3	Tiết kiệm nước		5
G3.1	Ghi chép số liệu tiêu thụ nước hàng ngày, lập chỉ số quản lý tiêu thụ nước	X	
G3.2	Quản lý tiêu thụ nước sạch: Phân công người kiểm tra các thiết bị nước hàng ngày để tránh hiện tượng rò rỉ nước		1
G3.3	Có lắp đặt và sử dụng công nghệ/ kỹ thuật tiết kiệm nước		
G3.3.1	Lắp đặt vòi hạn dòng để tiết kiệm nước		1

Mã số	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	LOẠI TIÊU CHÍ	
		TIÊU CHÍ BẮT BUỘC	TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM (TỐI ĐA)
G3.3.2	Lắp đặt bốn cầu với hệ thống 2 mức xả phù hợp, tiết kiệm nước		1
G3.3.3	Lắp đặt vòi nước tự động tại bồn rửa và bồn tiểu nam		1
G3.3.4	Có thiết bị thu và cất trữ nước mưa		1
G4	Sử dụng nguyên vật liệu thân thiện với môi trường và bán sản phẩm xanh		9
G4.1	Không có hàng hoá, vật dụng làm từ động thực vật hoang dã được bảo vệ theo pháp luật và các công ước quốc tế	X	
G4.2	Có túi đựng hàng hóa cho khách bằng chất liệu thân thiện với môi trường. Không sử dụng các loại túi bằng vật liệu khó phân hủy (ví dụ: túi ny-lon)	X	
G4.3.1	Hàng hóa có xuất xứ trong nước, chiếm tỷ lệ 70% trở lên		1
G4.3.2	Hàng hóa được sản xuất tại địa phương hay sử dụng nguyên liệu của địa phương chiếm tỷ lệ 50% trở lên		1
G4.3.3	Có in nguồn gốc hàng hóa vào sản phẩm (không phải của cửa hàng sản xuất ra)		1
G4.3.4	Có in tên cửa hàng, biểu tượng (logo) hoặc nhãn hiệu hàng hóa (nếu hàng hóa được cửa hàng sản xuất)		1
G4.3.5	Tỷ lệ hàng hóa sản xuất bằng nguyên vật liệu thân thiện với môi trường chiếm trên 60%		1
G4.3.6	Không sử dụng chất phụ gia, chất kích thích, hoá chất bảo vệ thực vật trong các sản phẩm bán tại cửa hàng		1
G4.4	Các vật dụng trong cửa hàng		
G4.4.1	Sử dụng thùng rác có chất liệu thân thiện với môi trường		1
G4.4.2	Sử dụng đồ đạc, thiết bị chất lượng tốt, bền		1
G4.4.3	Bàn ghế, đồ dùng, vật liệu trong cửa hàng được làm từ các vật liệu tái chế, vật liệu thân thiện với môi trường		1
G5	Xử lý và giảm thiểu chất thải		3
G5.1	Sử dụng công nghệ để ngăn chặn sự ô nhiễm nước cấp và nước thải và làm giảm lượng nước thải sinh ra	X	
G5.2	Lắp đặt hệ thống xử lý nước thải đảm bảo chất lượng nước đầu ra theo quy định	X	
G5.3	Rác và chất thải được chuyển ra khỏi cửa hàng ít nhất 2 lần/ngày và chuyển đến nơi xử lý 1 lần/ngày	X	
G5.4	Các quầy trưng bày đảm bảo sạch sẽ, thoáng mát	X	
G5.5	Không sử dụng các hóa chất có chất độc dễ bay hơi ở nhiệt độ thường gây hại cho sức khỏe và môi trường (ví dụ: chất VOCs có thể có ở trong sơn; chất Chlorofluorocarbon (CFC) có trong môi chất của tủ lạnh, tủ đông, bình xịt...)	X	

Mã số	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	LOẠI TIÊU CHÍ	
		TIÊU CHÍ BẮT BUỘC	TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM (TỐI ĐA)
G5.6	Sử dụng hóa chất tẩy rửa thân thiện với môi trường, có nhãn sinh thái, nhãn xanh, "Eco label" ở trên sản phẩm	X	
G5.7	Giảm thiểu tiến đến không sử dụng túi ny-lon để thu gom rác		1
G5.8	Tái sử dụng đồ vải cũ, giẻ lau thay vì dùng giấy để lau chùi, vệ sinh		1
G5.9	Thực hiện in và photo hai mặt giấy để tiết kiệm giấy, mực in		1
G6	Giảm thiểu sự ô nhiễm và sử dụng hóa chất thân thiện với môi trường		3
G6.1	Đảm bảo vệ sinh, mỹ quan khu vực trước, trong cửa hàng		1
G6.2	Sử dụng các đồ trang trí "bền vững" - làm bằng vật liệu thân thiện với môi trường (ví dụ: dùng sáp ong, hạn chế không dùng nến đốt, thay thế bằng đèn Led...)		1
G6.3	Quần áo của nhân viên, khăn lau và các loại đồ vải trong cửa hàng được làm bằng chất liệu thân thiện với môi trường như sợi hữu cơ...		1
TỔNG ĐIỂM CỦA ĐIỂM THAM QUAN DU LỊCH			123

PHẦN THỨ HAI

QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ VÀ CẤP CHỨNG NHẬN NHÃN DU LỊCH XANH CHO ĐIỂM THAM QUAN DU LỊCH

I. Đối tượng áp dụng

1. Các Điểm tham quan du lịch (sau đây gọi là đơn vị) đang hoạt động, kinh doanh hợp pháp tại Việt Nam tự nguyện áp dụng Nhãn Du lịch xanh.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến trình tự, thủ tục đánh giá và cấp thí điểm Chứng nhận Nhãn Du lịch xanh.

II. Hồ sơ đề nghị cấp Chứng nhận Nhãn Du lịch xanh

1. Hồ sơ đề nghị cấp Chứng nhận Nhãn Du lịch xanh gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Chứng nhận Nhãn Du lịch xanh theo mẫu quy định tại **Phụ lục 1**;

b) Bản báo cáo, tự đánh giá tình hình của đơn vị và tự chấm điểm theo Bộ tiêu chí Nhãn Du lịch xanh áp dụng cho Điểm tham quan du lịch theo mẫu quy định tại **Phụ lục 2A và 2B**;

c) Bản sao có công chứng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Cơ quan tiếp nhận Hồ sơ đề nghị cấp Chứng nhận Nhãn Du lịch xanh (trong 2 năm đầu áp dụng cấp thử nghiệm): Đơn vị nộp một bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Tổng cục Du lịch.

3. Lệ phí đánh giá:

- Trong thời gian hai năm đầu áp dụng cấp thử nghiệm (kể từ khi có Quyết định ban hành Bộ tiêu chí Nhãn Du lịch xanh áp dụng cho Điểm tham quan du lịch của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch): Đơn vị được miễn phí đánh giá cấp Chứng nhận Nhãn Du lịch xanh.

- Sau thời gian hai năm áp dụng cấp thử nghiệm sẽ có quy định về phí đánh giá, cấp Chứng nhận Nhãn Du lịch xanh.

III. Tổ chức đánh giá cấp Chứng nhận Nhãn Du lịch xanh

1. Thành lập Hội đồng đánh giá cấp Chứng nhận Nhãn Du lịch xanh trong 2 năm đầu áp dụng cấp thử nghiệm (sau đây gọi là Hội đồng):

Hội đồng do Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch thành lập gồm 05 thành viên:

a) Chủ tịch Hội đồng: Lãnh đạo Vụ Khách sạn Tổng cục Du lịch.

b) Các thành viên Hội đồng:

- Chuyên viên Vụ Lễ hành, Vụ Khách sạn;

- Đại diện Hiệp hội Lễ hành Việt Nam;

- Đại diện Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch;

- Chuyên gia về môi trường.

2. Tổ chức đánh giá:

a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ theo quy định tại khoản

1 Mục II nêu trên, Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch thành lập Hội đồng đánh giá cấp Chứng nhận Nhân Du lịch xanh.

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch thành lập Hội đồng, Hội đồng tổ chức đánh giá tại đơn vị căn cứ theo các tiêu chí trong Bộ tiêu chí Nhân Du lịch xanh áp dụng cho Điểm tham quan du lịch.

c) Chủ tịch Hội đồng thông báo kết quả đánh giá cho đơn vị bằng văn bản theo mẫu quy định tại **Phụ lục 3**.

d) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được thông báo của Hội đồng, nếu đơn vị không có khiếu nại, Chủ tịch Hội đồng trình Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch kết quả đánh giá, gồm:

- Trình bày kết quả đánh giá và đề xuất cấp Chứng nhận Nhân Du lịch xanh cho đơn vị theo mẫu quy định tại **Phụ lục 4**;

- Biên bản đánh giá việc thực hiện Bộ tiêu chí Nhân Du lịch xanh tại đơn vị theo mẫu quy định tại **Phụ lục 5**;

- Biên bản làm việc của Hội đồng theo mẫu quy định tại **Phụ lục 6**;

- Hồ sơ đề nghị cấp Chứng nhận Nhân Du lịch xanh của đơn vị theo quy định tại khoản 1 Mục II.

IV. Cấp Chứng nhận Nhân Du lịch xanh

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch cấp Chứng nhận Nhân Du lịch xanh cho đơn vị theo mẫu quy định tại **Phụ lục 7**, trên cơ sở xem xét hồ sơ quy định tại Điểm d khoản 2 Mục III.

2. Chứng nhận có hiệu lực ba năm kể từ ngày cấp. Ít nhất ba tháng trước khi Chứng nhận Nhân Du lịch xanh hết hiệu lực, đơn vị gửi hồ sơ đề nghị cấp đổi Chứng nhận Nhân Du lịch xanh đến Tổng cục Du lịch. Hồ sơ và thủ tục đề nghị đánh giá, cấp lại như lần đầu.

V. Đổi, cấp lại Chứng nhận Nhân Du lịch xanh

1. Trường hợp Chứng nhận Nhân Du lịch xanh bị mất, cháy hoặc tiêu hủy, đơn vị phải khai báo với cơ quan công an và Tổng cục Du lịch trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày phát hiện bị mất, cháy hoặc bị tiêu hủy.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày khai báo, đơn vị gửi đơn đề nghị Tổng cục Du lịch cấp lại Chứng nhận Nhân Du lịch xanh kèm theo xác nhận của cơ quan công an về việc đã khai báo, trừ trường hợp Chứng nhận Nhân Du lịch xanh được tìm thấy trước khi hết thời hạn gửi đơn đề nghị cấp lại.

2. Trường hợp Chứng nhận Nhân Du lịch xanh bị rách, nát, đơn vị gửi đơn đề nghị đổi kèm theo bản gốc Chứng nhận Nhân Du lịch xanh bị rách, nát đến Tổng cục Du lịch.

3. Trường hợp đề nghị sửa đổi tên đơn vị trong Chứng nhận Nhân Du lịch xanh, đơn vị gửi công văn đề nghị cấp lại Chứng nhận Nhân Du lịch xanh kèm những văn bản chứng minh tên mới hợp pháp của đơn vị.

4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị đổi, cấp lại Chứng nhận theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Mục này, Tổng cục Du lịch xem xét, đổi

hoặc cấp lại Chứng nhận cho đơn vị.

VI. Thu hồi Chứng nhận Nhân Du lịch xanh

1. Đơn vị bị thu hồi Chứng nhận Nhân Du lịch xanh khi vi phạm một trong các trường hợp sau:

a) Lập báo cáo tự đánh giá sai sự thật;

b) Vi phạm các tiêu chí bắt buộc và không đạt được theo đúng quy định của Nhân Du lịch xanh áp dụng cho Điểm dừng chân phục vụ khách du lịch của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch ký Quyết định thu hồi Chứng nhận Nhân Du lịch xanh.

3. Quyết định thu hồi Chứng nhận Nhân Du lịch xanh gửi đến đơn vị bị thu hồi và công bố trên các trang thông tin điện tử của Tổng cục Du lịch.

VII. Điều kiện sử dụng Nhân Du lịch xanh

1. Đơn vị chỉ được sử dụng Nhân Du lịch xanh sau khi được cấp Chứng nhận Nhân Du lịch xanh.

2. Đơn vị chỉ được sử dụng Nhân Du lịch xanh trong thời hạn Chứng nhận Nhân Du lịch xanh còn giá trị.

3. Được phép sử dụng biểu trưng Nhân Du lịch xanh theo mẫu quy định tại **Phụ lục 8**; trưng bày Chứng nhận Nhân Du lịch xanh tại khu vực chính của đơn vị và in biểu trưng Nhân Du lịch xanh trong các tài liệu quảng bá, xúc tiến và trên các vật dụng của đơn vị.

VIII. Đình chỉ sử dụng Nhân Du lịch xanh

1. Đơn vị bị đình chỉ sử dụng Nhân Du lịch xanh khi vi phạm một trong những trường hợp sau:

a) Sử dụng biểu trưng Nhân Du lịch xanh không đúng theo mẫu đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

b) Cho đơn vị khác sử dụng biểu trưng Nhân Du lịch xanh của đơn vị mình.

2. Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch ký Quyết định đình chỉ sử dụng Nhân Du lịch xanh.

3. Đơn vị bị đình chỉ sử dụng Nhân Du lịch xanh không được tiếp tục sử dụng biểu trưng, Chứng nhận Nhân Du lịch xanh để trưng bày và in trong các ấn phẩm, vật dụng hoặc các phương tiện quảng cáo của đơn vị.

IX. Trách nhiệm liên quan đến việc đề nghị và cấp Chứng nhận Nhân Du lịch xanh

1. Trách nhiệm của đơn vị đề nghị cấp Chứng nhận Nhân Du lịch xanh

a. Thủ trưởng đơn vị đề nghị cấp Nhân Du lịch xanh chịu trách nhiệm về tính chính xác của các hồ sơ đề nghị cấp Chứng nhận Nhân Du lịch xanh.

b. Cá nhân nhận xét, đánh giá, xác nhận sai sự thật hoặc làm giả hồ sơ, giấy tờ để đề nghị cấp Chứng nhận Nhân Du lịch xanh thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm

mà bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của cơ quan cấp Chứng nhận Nhân Du lịch xanh

a. Cấp, đổi, cấp lại, thu hồi Chứng nhận theo quy định tại Mục III, Mục IV, Mục V, Mục VI.

b. Thực hiện đầy đủ chế độ lưu trữ hồ sơ cấp, đổi, cấp lại thu hồi Chứng nhận Nhân Du lịch xanh theo đúng quy định của pháp luật về lưu trữ.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền tiến hành kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện công tác bảo vệ môi trường, áp dụng Bộ tiêu chí Nhân Du lịch xanh tại đơn vị.

4. Bảo mật các thông tin, số liệu, dữ liệu được ghi trong hồ sơ đề nghị cấp Chứng nhận Nhân Du lịch xanh; nếu cung cấp số liệu cho bên thứ ba phải được sự đồng ý bằng văn bản của đơn vị có hồ sơ đăng ký cấp Chứng nhận Nhân Du lịch xanh.

5. Công bố đơn vị được cấp, bị đình chỉ hoặc thu hồi Chứng nhận Nhân Du lịch xanh trên các trang thông tin điện tử của Tổng cục Du lịch./.

Phụ lục 1

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ CẤP CHỨNG NHẬN NHÂN DU LỊCH XANH CHO ĐIỂM THAM QUAN DU LỊCH

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày.....thángnăm....

ĐƠN ĐĂNG KÝ **Cấp Chứng nhận Nhân Du lịch xanh cho** **Điểm tham quan du lịch**

Kính gửi: Tổng cục Du lịch

Căn cứ Bộ tiêu chí Nhân Du lịch xanh áp dụng cho Điểm tham quan du lịch;
Căn cứ Quy trình đánh giá và cấp Chứng nhận Nhân Du lịch xanh cho Điểm tham quan du lịch.

Tên Điểm tham quan du lịch đăng ký:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax:.....Email:.....

Người đại diện:.....

Chức vụ:.....

Đề nghị Tổng cục Du lịch đánh giá, cấp/cấp lại/đổi Chứng nhận Nhân Du lịch xanh cho đơn vị.

Chúng tôi cam kết thực hiện đúng các quy định của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch sau khi được cấp Chứng nhận Nhân Du lịch xanh./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục 2A

MẪU BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CỦA ĐIỂM THAM QUAN DU LỊCH THEO BỘ TIÊU CHÍ NHÃN DU LỊCH XANH

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

BÁO CÁO

Đánh giá tình hình của Điểm tham quan du lịch theo Bộ tiêu chí Nhãn Du lịch xanh

Kính gửi: Tổng cục Du lịch

I. Thông tin chung:

Tên cơ quan, đơn vị chủ quản:.....

Tên đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax:..... Email:.....

Người chịu trách nhiệm về môi trường của đơn vị:.....

II. Báo cáo về hoạt động bảo vệ môi trường của đơn vị:

1. Những hoạt động quản lý và bảo vệ môi trường đơn vị đã thực hiện trong 3 năm qua.

2. Kết quả đạt được (các hình ảnh, số liệu và văn bản chứng minh)

3. Tự chấm điểm và báo cáo hoạt động của đơn vị theo Bộ tiêu chí Nhãn Du lịch xanh áp dụng cho Điểm tham quan du lịch (theo mẫu quy định tại phụ lục số 2B kèm theo):

3.1. Loại Điểm tham quan du lịch của đơn vị, gồm có dịch vụ:.....

3.2. Điểm do đơn vị tự đánh giá:

+ Số tiêu chí bắt buộc đơn vị đạt (%):

+ Số điểm các tiêu chí khác đơn vị đạt/ tổng điểm:.....

3.3. Báo cáo tình hình thực hiện theo các tiêu chí Nhãn Du lịch xanh áp dụng cho Điểm tham quan du lịch (ghi rõ số điểm cho từng tiêu chí và các nội dung thực hiện)/.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục số 2B

MẪU TỰ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM THEO BỘ TIÊU CHÍ NHÃN DU LỊCH XANH ÁP DỤNG CHO ĐIỂM THAM QUAN DU LỊCH

Mã số	Nội dung Tiêu chí	Mức đạt tối đa		Đơn vị tự chấm	
		Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm	Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm
1	2	3	4	5	6
A	CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (BVMT) VÀ HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA ĐƠN VỊ		15		
A1	Chính sách quản lý, bảo vệ môi trường, đóng góp vào mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương		10		
A1.1	Có lập kế hoạch hàng năm về thực hiện các hoạt động quản lý và bảo vệ môi trường	X			
A1.2	Có văn bản hướng dẫn các cơ sở dịch vụ trong điểm tham quan thực hiện các hoạt động quản lý và bảo vệ môi trường và hỗ trợ phát triển cộng đồng địa phương	X			
A1.3	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ hàng năm về kết quả thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường và cải tiến hoạt động BVMT của Điểm tham quan	X			
A1.4	Có chính sách về bảo vệ môi trường tự nhiên và môi trường nhân văn, bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử, văn hóa của dân tộc		1		
A1.5	Có lập kế hoạch hàng năm về các hoạt động hỗ trợ phát triển cộng đồng địa phương		1		
A1.6	Có thông báo về chính sách bảo vệ môi trường để tại vị trí dễ thấy tại khu vực đón tiếp và trong khu vực tham quan		1		
A1.7	Có hoạt động yêu cầu các nhà cung cấp hỗ trợ thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường		1		
A1.8	Có tham gia vào các hoạt động vì môi trường của địa phương		1		
A1.9	Có đóng góp (tài chính, nhân lực hoặc vật chất) cho các hoạt động phát triển cộng đồng tại địa phương		1		
A1.10	Sử dụng trên 30% lao động là nữ hoặc người dân tộc thiểu số		1		
A1.11	Sử dụng trên 50% lao động địa phương hoặc lao động đến từ các vùng kém phát triển		1		
A1.12	Người lao động tại điểm tham quan được kiểm tra sức khỏe định kỳ		1		

Mã số	Nội dung Tiêu chí	Mức đạt tối đa		Đơn vị tự chấm	
		Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm	Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm
A1.13	Sử dụng văn hóa truyền thống trong kiến trúc, trang trí, thiết kế các công trình, dịch vụ, sản phẩm của điểm tham quan		1		
A2	Nâng cao nhận thức cho người lao động tại điểm tham quan, cộng đồng cư dân xung quanh điểm tham quan về tầm quan trọng và hướng dẫn việc bảo vệ môi trường tự nhiên, môi trường nhân văn, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, xã hội		1		
A2.1	Tổ chức phổ biến, tuyên truyền, tập huấn cho người lao động làm việc tại các cơ sở dịch vụ trong điểm tham quan về các vấn đề bảo vệ môi trường tự nhiên tối thiểu 1 năm/lần (ví dụ: phổ biến về việc nghiêm cấm những hành vi phá hoại, hủy hoại, thay đổi môi trường sinh thái, làm ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt, ô nhiễm không khí, tiếng ồn; thực hành tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm nước; về việc bảo vệ động thực vật hoang dã ...)	X			
A2.2	Tổ chức phổ biến, tuyên truyền, tập huấn cho người lao động làm việc tại các cơ sở dịch vụ trong điểm tham quan về bảo vệ môi trường nhân văn, về các vấn đề văn hóa, xã hội tối thiểu 1 năm/lần (ví dụ: phổ biến về việc nghiêm cấm những hành vi xâm hại các di sản văn hóa, lịch sử, về phòng chống các tệ nạn xã hội...)	X			
A2.3	Có nội quy, quy trình hướng dẫn người lao động thực hành bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm năng lượng, nước, nguyên liệu trong công việc	X			
A2.4	Bố trí cán bộ quản lý môi trường chuyên trách hoặc kiêm nhiệm để điều phối các hoạt động quản lý và bảo vệ môi trường trong Điểm tham quan	X			
A2.5	Có bảng phân công người lao động trong hoạt động bảo vệ môi trường và có hình thức khen thưởng, động viên khi tham gia tích cực vào các hoạt động quản lý và bảo vệ môi trường	X			
A2.6	Tổ chức tuyên truyền, vận động cộng đồng dân cư xung quanh điểm tham quan tham gia công tác bảo vệ môi trường tự nhiên và môi trường nhân văn, đảm bảo cảnh quan sạch, đẹp, xã hội văn minh...		1		
A3	Hướng dẫn khách tham gia bảo vệ môi trường tự nhiên và môi trường nhân văn		4		
A3.1	Có tài liệu (sách, tờ rơi, pano, bảng...) hướng dẫn du khách tham gia bảo vệ môi trường du lịch tại điểm tham quan (ví dụ: việc hướng dẫn khách không bẻ cành, chặt cây; không khắc vẽ lên thân cây, vách đá, hang động, tường rào các di tích lịch sử, văn hóa...)	X			

Mã số	Nội dung Tiêu chí	Mức đạt tối đa		Đơn vị tự chấm	
		Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm	Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm
A3.2	Có tài liệu (sách, tờ rơi...) phổ biến các quy định về việc khai thác, mua bán động thực vật hoang dã, cổ vật... cho khách	X			
A3.3	Có tài liệu (sách, tờ rơi...) giới thiệu về di sản văn hóa, di sản thiên nhiên tại địa phương cho khách		1		
A3.4	Có tài liệu (sách, tờ rơi...) giới thiệu phong tục tập quán, tín ngưỡng của địa phương, hướng dẫn để khách có hành vi thích hợp		1		
A3.5	Thu thập ý kiến của khách bằng sổ hoặc bảng câu hỏi về vấn đề môi trường, văn hóa, xã hội và chất lượng dịch vụ		1		
A3.6	Có hình thức khen thưởng, động viên khách tham gia tích cực vào các hoạt động quản lý và bảo vệ môi trường		1		
B	KHU VỰC THAM QUAN		5		
B1	Có bảng nội quy về bảo vệ môi trường tại điểm tham quan	X			
B2	Không xây dựng các công trình xâm hại đến cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử, văn hóa	X			
B3	Không bắt giữ, nuôi nhốt động vật hoang dã, quý hiếm... trừ khi hoạt động đó mang tính bảo tồn và được pháp luật cho phép	X			
B4	Có hệ thống thu gom, xử lý rác thải, nước thải cho toàn bộ điểm tham quan	X			
B5	Không sử dụng các phương tiện giao thông gây ô nhiễm không khí, lắp đặt thiết bị tăng âm trái quy định gây tiếng ồn.	X			
B6	Có biện pháp phòng ngừa và ngăn chặn tệ nạn xã hội như cờ bạc, mại dâm, mê tín dị đoan, ăn xin, chèo kéo, bắt chẹt khách du lịch... như phối hợp liên ngành ...	X			
B7	Có hệ thống biển báo, chỉ dẫn việc bảo vệ môi trường tại điểm tham quan		1		
B8	Thực hiện việc phân loại và bảo quản rác thải hợp vệ sinh: rác tái chế để bán, rác hữu cơ cho chăn nuôi hay làm phân compost và rác thải độc hại để xử lý riêng theo luật định		1		
B9	Không vui lấp đồ ăn thừa, vỏ chai, vỏ hộp, túi nilon và các phế thải xuống đất		1		
B10	Tạo cảnh quan môi trường sinh thái như cây xanh, thảm cỏ... trong và ngoài điểm tham quan		1		

Mã số	Nội dung Tiêu chí	Mức đạt tối đa		Đơn vị tự chấm	
		Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm	Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm
B11	Tưới cây vào sáng sớm và chiều tối		1		
C	BÃI ĐỖ XE		5		
C1	Có hệ thống thoát nước	X			
C2	Có nhân viên điều hành trực ở bãi đỗ xe	X			
C3	Có cây xanh xung quanh khu vực bãi đỗ xe		1		
C4	Sử dụng bóng đèn tiết kiệm điện		1		
C5	Lưới che, mái che (nếu có) làm bằng vật liệu thân thiện với môi trường		1		
C6	Sử dụng năng lượng tự nhiên, năng lượng tái tạo (như năng lượng mặt trời, nước, gió...)		1		
C7	Có biển chỉ dẫn tới các khu vực của điểm tham quan, sử dụng bằng năng lượng mặt trời hoặc đèn led (không sử dụng bóng điện tử) để tiết kiệm năng lượng		1		
D	NHÀ VỆ SINH CÔNG CỘNG		13		
D1	Tiết kiệm năng lượng		3		
D1.1	Đọc, ghi nhận các chỉ số tiêu thụ điện hàng tháng và lập chỉ số quản lý việc tiêu thụ điện	X			
D1.2	Lắp đặt đồng hồ giám sát năng lượng tiêu thụ hàng tháng	X			
D1.3	Có lịch trình, chương trình vệ sinh và bảo trì các thiết bị điện hàng tháng	X			
D1.4	Sử dụng bóng tiết kiệm điện (bóng compact, led), bóng với công suất phù hợp với từng khu vực		1		
D1.5	Tận dụng tối đa chiếu sáng và thông gió tự nhiên cho các khu vực lối ra vào, trong phòng vệ sinh và khu vực rửa tay (ví dụ: dùng cửa chớp cho nhà vệ sinh)		1		
D1.6	Có kiểm toán điện hàng năm (tập hợp các số liệu tiêu thụ điện và hóa đơn thanh toán của các tháng trong năm, tổng hợp, phân tích, đánh giá, so sánh với các chỉ tiêu quy định và đề xuất chỉ tiêu cải tiến cho năm sau)		1		
D2	Tiết kiệm nước		7		
D2.1	Ghi chép số liệu tiêu thụ nước hàng tháng, lập chỉ số quản lý tiêu thụ nước hàng ngày	X			
D2.2	Phân công người kiểm tra các thiết bị nước hàng ngày để tránh hiện tượng rò rỉ nước	X			
D2.3	Quản lý tiêu thụ nước				

Mã số	Nội dung Tiêu chí	Mức đạt tối đa		Đơn vị tự chấm	
		Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm	Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm
D2.3.1	Sử dụng công nghệ để ngăn chặn sự ô nhiễm nước cấp, nước thải và làm giảm lượng nước thải sinh ra		1		
D2.3.2	Thực hiện kiểm toán nước hàng năm (tập hợp các số liệu tiêu thụ nước và hóa đơn thanh toán của các tháng trong năm, tổng hợp, phân tích, đánh giá, so sánh với các chỉ tiêu quy định và đề xuất chỉ tiêu cải tiến cho năm sau)		1		
D2.4	Sử dụng thiết bị tiết kiệm nước				
D2.4.1	Lắp đặt vòi hạn dòng để tiết kiệm nước		1		
D2.4.2	Lắp đặt bồn cầu với hệ thống 2 mức xả phù hợp, tiết kiệm nước		1		
D2.4.3	Lắp đặt vòi cảm ứng, bồn tiểu cảm ứng		1		
D2.4.4	Có thiết bị thu và cất trữ nước mưa		1		
D2.4.5	Lắp đặt vòi nước tự động tại bồn rửa và bồn tiểu nam		1		
D3	Xử lý và hạn chế chất thải		3		
D3.1	Lắp đặt hệ thống xử lý nước thải đảm bảo chất lượng nước đầu ra theo quy định	X			
D3.2	Rác và chất thải được chuyển ra khỏi khu vệ sinh công cộng ít nhất 4 lần/ngày	X			
D3.3	Sử dụng hóa chất tẩy rửa thân thiện với môi trường, có nhãn sinh thái, nhãn xanh, "Eco label" ở trên sản phẩm	X			
D3.4	Sử dụng thùng rác làm bằng chất liệu thân thiện với môi trường, dễ vệ sinh		1		
D3.5	Giảm thiểu tiến đến không sử dụng túi đựng làm bằng vật liệu khó phân hủy (ví dụ: túi ny-lon...). để thu gom rác		1		
E	NHÀ HÀNG		49		
E1	Tiết kiệm năng lượng		17		
E1.1	Lắp đặt đồng hồ giám sát năng lượng tiêu thụ hàng tháng	X			
E1.2	Có lịch trình, chương trình vệ sinh và bảo trì các thiết bị điện hàng tháng	X			
E1.3	Có kiểm toán điện hàng năm (tập hợp các số liệu tiêu thụ điện và hóa đơn thanh toán của các tháng trong năm, tổng hợp, phân tích, đánh giá, so sánh với các chỉ tiêu quy định và đề xuất chỉ tiêu cải tiến cho năm sau)		1		

Mã số	Nội dung Tiêu chí	Mức đạt tối đa		Đơn vị tự chấm	
		Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm	Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm
E1.4	Sử dụng bóng tiết kiệm điện (bóng compact)	X			
E1.5	Quản lý tiêu thụ năng lượng				
E1.5.1	Tính chỉ số tiêu thụ điện của nhà hàng hàng tháng (không tính thiết bị trong bếp)		1		
E1.5.2	Lắp đặt hệ thống lọc nước tự động uống tại vòi để nhân viên sử dụng được		1		
E1.5.3	Có quy trình tiết kiệm năng lượng và giám sát việc thực hiện		1		
E1.5.4	Sử dụng các cách khác trong quản lý và tiết kiệm năng lượng hiệu quả		1		
E1.6	Sử dụng thiết bị tiết kiệm trong khu vực bếp				
E1.6.1	Sử dụng thiết bị tiết kiệm điện, các thiết bị có nhãn sinh thái Eco hay Star Energy hoặc tương đương (ví dụ: máy rửa bát đĩa, máy sấy khô tay có công suất < 1500 W và sấy trong vòng ít hơn 15 giây...)		1		
E1.6.2	Có lắp tấm rèm chắn bằng nhựa chống thoát nhiệt tại cửa của nhà lạnh, kho lạnh chứa thực phẩm, đồ dùng nhà bếp		1		
E1.6.3	Có lắp đặt bộ điều chỉnh nhiệt được lập trình cho các thiết bị nhiệt như lò nướng, rán...		1		
E1.7	Sử dụng hệ thống điều hòa nóng, lạnh, thông gió tiết kiệm năng lượng				
E1.7.1	Sử dụng hệ thống điều hòa tiết kiệm năng lượng (điều hòa với nhãn Eco, điều hòa tổng...) (Đối với vùng khí hậu không cần dùng điều hòa: chỉ tiêu này được đánh giá 1 điểm)		1		
E1.7.2	Sử dụng hệ thống điều hòa nóng lạnh phù hợp với không gian, công suất và mục đích sử dụng (ví dụ: khu vực cho khách, khu vực nhân viên...) (Đối với vùng khí hậu không cần dùng điều hòa: chỉ tiêu này được đánh giá 1 điểm)		1		
E1.7.3	Sử dụng hệ thống rèm cửa sổ 2 lớp (giúp chắn sáng và cách nhiệt)		1		
E1.7.4	Có thiết bị điều khiển cảm ứng hoặc tương đương để điều chỉnh luồng không khí trong nhà hàng sao cho duy trì nồng độ khí các bon trong nhà hàng không quá 700 ppm so với nồng độ khí các bon bên ngoài trời		1		
E1.8	Sử dụng hệ thống chiếu sáng tiết kiệm năng lượng				
E1.8.1	Chia từng khu vực trong nhà hàng, sử dụng ánh sáng phù hợp với từng khu vực (ví dụ: khu vực cho khách, khu vực bếp, nhân viên...)		1		

Mã số	Nội dung Tiêu chí	Mức đạt tối đa		Đơn vị tự chấm	
		Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm	Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm
E1.8.2	Sử dụng đèn cảm biến ở khu vực ít sử dụng (ví dụ: ngoài sân, nhà vệ sinh...)		1		
E1.9	Các biện pháp khác nâng cao tính hiệu quả của việc quản lý và sử dụng điện một cách hợp lý và hiệu quả				
E1.9.1	Sử dụng các nguồn năng lượng khác (nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng gió, năng lượng mặt trời...)		1		
E1.9.2	Sử dụng thiết bị chuyển nhiệt như heat pump (ví dụ: thu nhiệt từ thiết bị điều hòa trung tâm phục vụ làm nóng nước...)		1		
E1.9.3	Các biện pháp, sáng kiến khác		1		
E2	Tiết kiệm nước		12		
E2.1	Lắp đặt thiết bị giám sát lượng nước tiêu thụ hàng tháng (ví dụ: đồng hồ đo nước...)	X			
E2.2	Có lịch trình, chương trình quản lý bảo dưỡng thiết bị nước hàng tháng	X			
E2.3	Có kiểm toán nước hàng năm (tập hợp các số liệu tiêu thụ nước và hóa đơn thanh toán của các tháng trong năm, tổng hợp, phân tích, đánh giá, so sánh với các chỉ tiêu quy định và đề xuất chỉ tiêu cải tiến cho năm sau)		1		
E2.4	Quản lý tiêu thụ nước				
E2.4.1	Có phân công người kiểm tra các thiết bị nước hàng ngày để tránh hiện tượng rò rỉ nước		1		
E2.4.2	Tưới cây vào tối muộn hoặc sáng sớm		1		
E2.4.3	Không xả nước để rửa đồ ăn mà làm tan đá ngay trong tủ lạnh		1		
E2.4.4	Không xả nước nóng liên tục vào bể bơi, thiết bị lọc dầu mỡ khi làm công tác vệ sinh		1		
E2.4.5	Tái sử dụng nước xám (ví dụ: nước sau khi rửa rau, quả, nước giặt cuối... phục vụ cho mục đích phi vệ sinh như cọ rửa sân vườn hoặc tưới cây)		1		
E2.4.6	Chỉ phục vụ nước khi được yêu cầu (có biển thông báo cho khách hàng trước)		1		
E2.5	Sử dụng thiết bị tiết kiệm nước				
E2.5.1	Lắp đặt vòi hạn dòng để tiết kiệm nước		1		
E2.5.2	Lắp đặt bồn cầu với hệ thống 2 mức xả phù hợp, tiết kiệm nước		1		
E2.5.3	Lắp đặt vòi cảm ứng, bồn tiểu cảm ứng		1		
E2.5.4	Lắp đặt các thiết bị sử dụng nước hiệu quả và tiết kiệm khác (ví dụ: máy rửa bát, máy làm đá...)		1		

Mã số	Nội dung Tiêu chí	Mức đạt tối đa		Đơn vị tự chấm	
		Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm	Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm
E2.5.5	Có thiết bị thu và cất trữ nước mưa		1		
E3	Sử dụng thực phẩm bền vững		6		
E3.1	Sử dụng thực phẩm (thức ăn, đồ uống), chất phụ gia, nguyên vật liệu là chất hữu cơ, đảm bảo chất lượng, vệ sinh, an toàn. Không sử dụng hoá chất và các chất phụ gia độc hại để sản xuất, chế biến món ăn, đồ uống.	X			
E3.2	Không bắt giữ, chế biến các động, thực vật quý hiếm	X			
E3.3	Sử dụng thực phẩm có nguồn gốc trong nước, khuyến khích từ các nông trại của địa phương hoặc gần địa phương (bán kính 30km)		1		
E3.4	Tùy theo từng loại hình nhà hàng, có chính sách khuyến khích sáng tạo và chế biến các món ăn từ thực vật, hoa quả, hạn chế sử dụng các thực phẩm từ động vật.		1		
E3.5	Hạn chế phục vụ khách nước uống đóng chai, thay vào đó phục vụ nước do nhà hàng chế biến		1		
E3.6	Có các biện pháp quảng cáo, tuyên truyền về thực phẩm sạch, có lợi cho sức khỏe với khách hàng		1		
E3.7	Quảng bá và khuyến khích khách hàng sử dụng thức ăn hữu cơ (thức ăn dùng thực phẩm hữu cơ và không sử dụng hoá chất và các chất phụ gia để sản xuất, chế biến)		1		
E3.8	Đặt mua các sản phẩm như thực đơn, túi đựng, khay... làm từ các nguyên liệu tái chế		1		
E4	Xử lý và giảm thiểu chất thải		11		
E4.1	Có ký hợp đồng với các công ty tái chế rác, công ty chuyển rác và công ty xử lý chất thải	X			
E4.2	Sử dụng công nghệ để ngăn chặn sự ô nhiễm nước cấp và nước thải và làm giảm lượng nước thải sinh ra.	X			
E4.3	Chuyển rác ra khỏi bếp ngày 2 lần, Chuyển rác tới nơi xử lý ngày 1 lần	X			
E4.4	Đánh dấu, sắp xếp khi mua thực phẩm, đồ uống mới để nhân viên sử dụng thực phẩm theo thứ tự thời gian nhập hàng, tránh đồ ăn, thức uống bị quá hạn, bị hỏng	X			
E4.5	Xử lý chất thải				

Mã số	Nội dung Tiêu chí	Mức đạt tối đa		Đơn vị tự chấm	
		Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm	Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm
E4.5.1	Lắp đặt hệ thống xử lý nước thải, có lắp đặt chặn rác, bể mỡ để giảm tải trọng hệ thống nước thải.		1		
E4.5.2	Rửa sạch các thiết bị bếp có dính mỡ như chảo rán, thiết bị rán..., vệ sinh thiết bị bể mỡ, lọc dầu mỡ hàng ngày để đảm bảo các thiết bị hoạt động hiệu quả và bền lâu		1		
E4.5.3	Phân loại chất thải rắn: rác thải ướt (thức ăn), rác thải có thể tái chế (đồ kim loại, thủy tinh, giấy, bia...), rác thải để ủ làm phân bón (lá cây), rác thải chuyển đi xử lý và rác thải độc hại		1		
E4.6	Giảm thiểu chất thải				
E4.6.1	Giảm thiểu tiến đến không sử dụng túi đựng làm bằng vật liệu khó phân hủy (ví dụ: túi ny-lon...). Thay thế sử dụng các loại túi có chất liệu thân thiện với môi trường		1		
E4.6.2	Thực hiện bảo quản, gìn giữ các thiết bị, đồ dùng trong nhà hàng, khuyến khích sử dụng đồ đạc, trang thiết bị chất lượng tốt, bền		1		
E4.6.3	Hạn chế mua sắm, sử dụng các thiết bị không cần thiết cho việc kinh doanh nhà hàng (ví dụ: đồ trang trí không cần thiết, bàn ghế, lắp quá nhiều đèn...)		1		
E4.6.4	Các đồ ăn không phục vụ khách, có thể tận dụng cho nhân viên hoặc quyên góp cho người nghèo		1		
E4.6.5	Thu gom thức ăn thừa vào thùng chuyên dụng đựng thức ăn để đảm bảo vệ sinh thực phẩm khi tái sử dụng cho chăn nuôi gia súc		1		
E4.6.6	Sử dụng các vật liệu thân thiện với môi trường, sử dụng hoặc tái sử dụng các vật liệu có thể tái sử dụng được (ví dụ: tái sử dụng chai, lọ...)		1		
E4.6.7	Tái sử dụng đồ vải cũ làm giẻ lau thay vì dùng giấy để lau chùi. Tái sử dụng khăn lau tay tại khu rửa tay cho khách và nhân viên (khăn được giặt sạch hàng ngày)		1		
E4.6.8	Thực hiện in và photo hai mặt giấy để tiết kiệm giấy, mực in		1		
E5	Giảm thiểu sự ô nhiễm và sử dụng hóa chất thân thiện với môi trường		3		
E5.1	Không sử dụng các hóa chất có chất độc dễ bay hơi ở nhiệt độ thường gây hại cho sức khỏe và môi trường (ví dụ: chất VOCs có thể có ở trong sơn; chất Chlorofluorocarbon (CFC) có trong môi chất của tủ lạnh, tủ đông, bình xịt...)	X			

Mã số	Nội dung Tiêu chí	Mức đạt tối đa		Đơn vị tự chấm	
		Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm	Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm
E5.2	Sử dụng hóa chất tẩy rửa thân thiện với môi trường, có nhãn sinh thái, nhãn xanh, "Eco label" ở trên sản phẩm (tham khảo tại trang web của Trung tâm Phân tích và Chuyển giao Công nghệ Môi Trường)	X			
E5.3	Quần áo của nhân viên, của đầu bếp, khăn lau, khăn trải bàn và các loại khăn khác dùng trong nhà hàng được làm bằng chất liệu thân thiện với môi trường như sợi hữu cơ...		1		
E5.4	Sử dụng các đồ trang trí "bền vững" – làm bằng vật liệu thân thiện với môi trường ví dụ như dùng sáp ong, hạn chế không dùng nến đốt, thay thế bằng đèn Led...		1		
E5.5	Bàn ghế đồ dùng, vật liệu trong nhà hàng được làm từ các vật liệu công nghiệp, vật liệu tái chế, vật liệu thân thiện với môi trường		1		
G	CỬA HÀNG MUA SẮM		36		
G1	Giới thiệu về văn hoá truyền thống và sản phẩm của địa phương		4		
G1.1	Bán các hàng hóa đảm bảo chất lượng và thân thiện với môi trường, ưu tiên các sản phẩm của địa phương nhưng không phải là kết quả của hành vi phá hoại môi trường	X			
G1.2	Khách có thể được tham gia sản xuất sản phẩm đặc thù của địa phương (nếu có chế tác tại cơ sở hay làng nghề)		1		
G1.3	Giới thiệu với khách các sản phẩm độc đáo của địa phương		1		
G1.4	Tổ chức giới thiệu một số công đoạn sản xuất sản phẩm đặc thù của địa phương hoặc có chiếu phim minh họa		1		
G1.5	Có nhân viên hay thợ thủ công trình diễn các thao tác, quy trình tạo ra sản phẩm (nếu có chế tác tại cơ sở hay làng nghề)		1		
G2	Tiết kiệm năng lượng		12		
G2.1	Có lịch trình, chương trình vệ sinh và bảo trì các thiết bị điện hàng tháng	X			
G2.2	Đọc, ghi nhận chỉ số tiêu thụ điện của cửa hàng hàng tháng và lập chỉ số quản lý việc tiêu thụ điện	X			
G2.3	Quản lý tiêu thụ năng lượng				
G2.3.1	Lắp đặt đồng hồ giám sát năng lượng tiêu thụ hàng tháng		1		

Mã số	Nội dung Tiêu chí	Mức đạt tối đa		Đơn vị tự chấm	
		Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm	Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm
G2.3.2	Có kiểm toán điện hàng năm (tập hợp các số liệu tiêu thụ điện và hóa đơn thanh toán của các tháng trong năm, tổng hợp, phân tích, đánh giá, so sánh với các chỉ tiêu quy định và đề xuất chỉ tiêu cải tiến cho năm sau)		1		
G2.4	Kiến trúc tiết kiệm năng lượng của cửa hàng				
G2.4.1	Kiến trúc đảm bảo tính thân thiện với môi trường (hướng mặt trời không chiếu thẳng vào khu mua sắm, chống gió lùa...)		1		
G2.4.2	Kiến trúc sử dụng chiếu sáng và thông gió tự nhiên		1		
G2.5	Có lắp đặt và sử dụng công nghệ, kỹ thuật tiết kiệm năng lượng				
G2.5.1	Sử dụng thiết bị tiết kiệm điện, các thiết bị có nhãn sinh thái Eco hay Star Energy hoặc tương đương (ví dụ: máy tính, tủ lạnh, máy điều hoà...)		1		
G2.5.2	Sử dụng các nguồn năng lượng tự nhiên (nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng gió, năng lượng mặt trời...)		1		
G2.5.3	Sử dụng hệ thống điều hòa nóng lạnh phù hợp với không gian, công suất và mục đích sử dụng (Đối với vùng khí hậu không cần dùng điều hòa: chỉ tiêu này được đánh giá 1 điểm)		1		
G2.5.4	Sử dụng hệ thống rèm giúp chắn sáng và cách nhiệt tốt		1		
G2.5.5	Sử dụng bóng đèn tiết kiệm (bóng compact, đèn led...)		1		
G2.5.6	Chia từng khu vực trong cửa hàng, sử dụng ánh sáng phù hợp với từng khu vực (ví dụ: khu vực cho khách, khu vực nhân viên...)		1		
G2.5.7	Sử dụng đèn cảm biến ở khu vực ít sử dụng (ví dụ: ngoài sân, nhà vệ sinh...)		1		
G2.5.8	Có các biện pháp khác nâng cao tính hiệu quả của việc quản lý và sử dụng điện		1		
G3	Tiết kiệm nước		5		
G3.1	Ghi chép số liệu tiêu thụ nước hàng ngày, lập chỉ số quản lý tiêu thụ nước	X			
G3.2	Quản lý tiêu thụ nước sạch: Phân công người kiểm tra các thiết bị nước hàng ngày để tránh hiện tượng rò rỉ nước		1		
G3.3	Có lắp đặt và sử dụng công nghệ, kỹ thuật tiết kiệm nước				

Mã số	Nội dung Tiêu chí	Mức đạt tối đa		Đơn vị tự chấm	
		Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm	Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm
G3.3.1	Lắp đặt vòi hạn dòng để tiết kiệm nước		1		
G3.3.2	Lắp đặt bồn cầu với hệ thống 2 mức xả phù hợp, tiết kiệm nước		1		
G3.3.3	Lắp đặt vòi nước tự động tại bồn rửa và bồn tiểu nam		1		
G3.3.4	Có thiết bị thu và cất trữ nước mưa		1		
G4	Sử dụng nguyên vật liệu thân thiện với môi trường và bán sản phẩm xanh		9		
G4.1	Không có hàng hoá, vật dụng làm từ động thực vật hoang dã được bảo vệ theo pháp luật và các công ước quốc tế	X			
G4.2	Có túi đựng hàng hóa cho khách bằng chất liệu thân thiện với môi trường. Không sử dụng các loại túi bằng vật liệu khó phân hủy (ví dụ: túi ny-lon)	X			
G4.3	Hàng hoá				
G4.3.1	Hàng hóa có xuất xứ trong nước, chiếm tỷ lệ 70% trở lên		1		
G4.3.2	Hàng hóa được sản xuất tại địa phương hay sử dụng nguyên liệu của địa phương chiếm tỷ lệ 50% trở lên		1		
G4.3.3	Có in nguồn gốc hàng hóa vào sản phẩm (không phải của cửa hàng sản xuất ra)		1		
G4.3.4	Có in tên cửa hàng, biểu tượng (logo) hoặc nhãn hiệu hàng hóa (nếu hàng hóa được cửa hàng sản xuất)		1		
G4.3.5	Tỷ lệ hàng hóa sản xuất bằng nguyên vật liệu thân thiện với môi trường chiếm trên 60%		1		
G4.3.6	Không sử dụng chất phụ gia, chất kích thích, hoá chất bảo vệ thực vật trong các sản phẩm bán tại cửa hàng		1		
G4.4	Các vật dụng trong cửa hàng				
G4.4.1	Sử dụng thùng rác có chất liệu thân thiện với môi trường		1		
G4.4.2	Sử dụng đồ đạc, thiết bị chất lượng tốt, bền		1		
G4.4.3	Bàn ghế, đồ dùng, vật liệu trong cửa hàng được làm từ các vật liệu tái chế, vật liệu thân thiện với môi trường		1		
G5	Xử lý và giảm thiểu chất thải		3		
G5.1	Sử dụng công nghệ để ngăn chặn sự ô nhiễm nước cấp và nước thải và làm giảm lượng nước thải sinh ra	X			

Mã số	Nội dung Tiêu chí	Mức đạt tối đa		Đơn vị tự chấm	
		Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm	Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm
G5.2	Lắp đặt hệ thống xử lý nước thải đảm bảo chất lượng nước đầu ra theo quy định	X			
G5.3	Rác và chất thải được chuyển ra khỏi cửa hàng ít nhất 2 lần/ngày và chuyển đến nơi xử lý 1 lần/ngày	X			
G5.4	Các quầy trưng bày đảm bảo sạch sẽ, thoáng mát	X			
G5.5	Không sử dụng các hóa chất có chất độc dễ bay hơi ở nhiệt độ thường gây hại cho sức khỏe và môi trường (ví dụ: chất VOCs có thể có ở trong sơn; chất Chlorofluorocarbon (CFC) có trong môi chất của tủ lạnh, tủ đông, bình xịt...)	X			
G5.6	Sử dụng hóa chất tẩy rửa thân thiện với môi trường, có nhãn sinh thái, nhãn xanh, "Eco label" ở trên sản phẩm	X			
G5.7	Giảm thiểu tiến đến không sử dụng túi nilon để thu gom rác		1		
G5.8	Tái sử dụng đồ vải cũ, giặt lau thay vì dùng giấy để lau chùi, vệ sinh		1		
G5.9	Thực hiện in và photo hai mặt giấy để tiết kiệm giấy, mực in		1		
G6	Giảm thiểu sự ô nhiễm và sử dụng hóa chất thân thiện với môi trường		3		
G6.1	Đảm bảo vệ sinh, mỹ quan khu vực trước, trong cửa hàng		1		
G6.2	Sử dụng các đồ trang trí "bền vững" - làm bằng vật liệu thân thiện với môi trường (ví dụ như dùng sáp ong, hạn chế không dùng nến đốt, thay thế bằng đèn Led...)		1		
G6.3	Quần áo của nhân viên, khăn lau và các loại đồ vải trong cửa hàng được làm bằng chất liệu thân thiện với môi trường như sợi hữu cơ...		1		
TỔNG ĐIỂM CỦA ĐIỂM THAM QUAN DU LỊCH			123		

Phụ lục 3**MẪU CÔNG VĂN THÔNG BÁO KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN TIÊU CHÍ NHÂN DU LỊCH XANH CỦA ĐIỂM THAM QUAN DU LỊCH**BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TỔNG CỤC DU LỊCH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TCDL-KS

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....

V/v thông báo kết quả đánh giá việc thực hiện tiêu chí Nhân Du lịch xanh

Kính gửi:.....

Từ ngày/....../.... đến ngày/....../...., Hội đồng đánh giá Điểm tham quan du lịch theo các tiêu chí trong Bộ tiêu chí Nhân Du lịch xanh (sau đây gọi là Hội đồng) đã tiến hành đánh giá việc thực hiện tiêu chí Nhân Du lịch xanh tại đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Căn cứ Bộ tiêu chí Nhân Du lịch xanh áp dụng đối với Điểm tham quan du lịch;
Căn cứ quy định trình tự, thủ tục đánh giá và cấp thí điểm Chứng nhận cho Điểm tham quan du lịch;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị cấp giấy Chứng nhận Nhân Du lịch xanh và biên bản đánh giá việc thực hiện Bộ tiêu chí Nhân Du lịch xanh tại đơn vị ngày/....../....;

Căn cứ Biên bản làm việc của Hội đồng ngày ... /... /....,

Hội đồng thông báo kết quả đánh giá như sau:

+ Loại điểm tham quan du lịch, gồm các dịch vụ

+ Số tiêu chí bắt buộc đơn vị đạt (%):

+ Số điểm các tiêu chí khác đơn vị đạt/ tổng điểm:

- Những nội dung yêu cầu đơn vị bổ sung, thực hiện:

.....
.....
...../.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở VH-TTDL...;
- Lưu: VT, Vụ KS, (...).

TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KHÁCH SẠN
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Phụ lục 4**MẪU TỜ TRÌNH VỀ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ NHÂN DU LỊCH XANH CỦA ĐIỂM THAM QUAN DU LỊCH**TỔNG CỤC DU LỊCH
HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... thángnăm

TỜ TRÌNH**Về kết quả đánh giá Cửa hàng mua sắm phục vụ khách du lịch trong việc thực hiện Bộ tiêu chí Nhân Du lịch xanh**

Kính gửi: Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch

Từ ngày/...../.... đến ngày/....../...., sau khi tiến hành đánh giá trên địa bàn tỉnh (TP)....., Hội đồng đánh giá Điểm tham quan du lịch (sau đây gọi là Hội đồng) theo các tiêu chí trong Bộ tiêu chí Nhân Du lịch xanh báo cáo Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch như sau:

I. Tổng hợp, đánh giá:

TT	Tên đơn vị	Số Tiêu chí bắt buộc đạt được (%)	Số điểm đạt/tổng điểm	Ghi chú

II. Kết quả đánh giá và đề xuất:

1. Đề nghị cấp Chứng nhận Nhân Du lịch xanh cho các đơn vị sau:

1.1. Tên đơn vị:.....Địa chỉ:.....

1.2. Tên đơn vị:.....Địa chỉ:.....

1.3. Tên đơn vị:.....Địa chỉ:.....

2. Đề xuất đối với các đơn vị chưa đạt Nhân Du lịch xanh:

.....
.....

Hội đồng chịu trách nhiệm toàn bộ nội dung và kết quả đánh giá trên./.

TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục 5

MẪU BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN NHÃN DU LỊCH XANH TẠI ĐIỂM THAM QUAN DU LỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

BIÊN BẢN

Đánh giá việc thực hiện Nhãn Du lịch xanh tại Điểm tham quan du lịch

Hôm nay, vàogiờ ngày/...../....., Hội đồng đánh giá Điểm tham quan du lịch (sau đây gọi là Hội đồng) theo các tiêu chí trong Bộ tiêu chí Nhãn Du lịch xanh đến làm việc tại:

- Điểm tham quan du lịch (tên đơn vị):.....
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại: Fax:.....
- Email:.....Website:.....

I. Thành phần:

- Hội đồng:
- 1.....
- 2.....
- 3.....
- 4.....
- 5.....
- Đại diện đơn vị:
- 1.....
- 2.....
- 3.....

II. Nội dung:

Sau khi được đại diện đơn vị báo cáo tình hình cụ thể và cung cấp thông tin cần thiết, sau khi kiểm tra và đánh giá thực tế tại đơn vị, căn cứ Bộ tiêu chí Nhãn Du lịch xanh áp dụng cho Điểm tham quan du lịch, Hội đồng có ý kiến đánh giá như sau:

.....

Kết quả đánh giá là cơ sở để trình Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch xem xét, quyết định việc cấp Chứng nhận Nhãn Du lịch xanh cho đơn vị./.

Buổi làm việc kết thúc vàogiờngày/...../.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục 6

MẪU BIÊN BẢN LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ ĐIỂM THAM QUAN DU LỊCH THEO CÁC TIÊU CHÍ NHÃN DU LỊCH XANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

BIÊN BẢN

Của Hội đồng đánh giá Điểm tham quan du lịch theo các tiêu chí Nhãn Du lịch xanh

Từ ngày/...../..... đến ngày/...../....., Hội đồng đánh giá Cửa hàng mua sắm phục vụ khách du lịch theo các tiêu chí Nhãn Du lịch xanh (sau đây gọi là Hội đồng) đã tiến hành đánh giá việc thực hiện Nhãn Du lịch xanh tại các đơn vị trên địa bàn tỉnh (TP)....., cụ thể:

I. Thành phần Hội đồng:

- 1.....
- 2.....
- 3.....
- 4.....
- 5.....

II. Nội dung:

Căn cứ Bộ tiêu chí Nhãn Du lịch xanh áp dụng cho Điểm tham quan du lịch;
Căn cứ Quy trình đánh giá và cấp Chứng nhận Nhãn Du lịch xanh cho Điểm tham quan du lịch;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị cấp Nhãn Du lịch xanh của đơn vị;

Hội đồng đã tiến hành đánh giá, kiểm tra việc thực hiện Bộ tiêu chí Nhãn Du lịch xanh tại các đơn vị sau:

TT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Ghi chú

Căn cứ biên bản đánh giá việc thực hiện Bộ tiêu chí Nhãn Du lịch xanh tại đơn vị, Hội đồng thống nhất kết quả đánh giá để thông báo với đơn vị và đề nghị Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch xem xét, ra quyết định và cấp Chứng nhận Nhãn Du lịch xanh cho các đơn vị, cụ thể như sau:

TT	Tên đơn vị	Số tiêu chí bắt buộc đạt được (%)	Số điểm đạt/tổng điểm	Ghi chú

Buổi làm việc kết thúc vào.....giờ.....ngày...../...../....., đã đọc lại toàn bộ nội dung biên bản, các thành viên Hội đồng thống nhất và ký tên (có bảng điểm do Hội đồng thống nhất đánh giá kèm theo đối với mỗi đơn vị)/.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG*(Ký và ghi rõ họ tên)***CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG***(Ký và ghi rõ họ tên)***Phụ lục 7****MẪU CHỨNG NHẬN NHÃN DU LỊCH XANH CẤP CHO ĐIỂM THAM QUAN DU LỊCH****Thông số màu:**

- Bông sen và chữ biểu trưng màu xanh lá cây: 100C – 0M – 100Y – 10K
- Đường viền và nền chữ biểu trưng màu vàng đậm: 0C – 20M – 100Y – 0K
- Nền biểu trưng màu vàng nhạt: 0C – 0M – 60Y – 0K
- Vòng tròn ngoài cùng biểu trưng màu vàng đậm: 0C – 20M – 100Y – 2K
- Biểu trưng nền Chứng nhận Nhãn Du lịch xanh màu xanh nhạt: 8C – 0M – 25Y – 0K
- Chữ in trên Chứng nhận Nhãn Du lịch xanh: 100C – 0M – 30Y – 50K



Phụ lục 8

MẪU BIỂU TRƯNG NHÃN DU LỊCH XANH ÁP DỤNG CHO ĐIỂM THAM QUAN DU LỊCH

Biểu trưng Nhãn Du lịch xanh được sử dụng cho nhiều loại sản phẩm, dịch vụ trong Điểm tham quan du lịch, có kích cỡ khác nhau nên kích thước có thể khác nhau cho phù hợp với từng sản phẩm, dịch vụ. Kích thước nhỏ nhất của biểu trưng để Điểm tham quan du lịch được cấp Chứng nhận Nhãn Du lịch xanh gắn cho sản phẩm, dịch vụ của mình có đường kính là 1,5 cm.

Thông số màu:

- Bông sen và chữ màu xanh lá cây: 100C – 0M – 100Y – 10K
- Đường viền và nền chữ màu vàng đậm: 0C – 20M – 100Y – 0K
- Nền biểu trưng màu vàng nhạt: 0C – 0M – 60Y – 0K
- Vòng tròn đậm ngoài cùng: 0C – 20M – 100Y – 2K



SỔ TAY

HƯỚNG DẪN CẤP NHÃN DU LỊCH XANH CHO ĐIỂM THAM QUAN DU LỊCH

CHI TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN:	Đoàn Minh Tuấn
BIÊN TẬP:	Vụ Khách sạn, Tổng cục Du lịch, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
CHỦ BIÊN:	Hoàng Thị Điệp, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
BAN BIÊN SOẠN:	
TRƯỞNG BAN:	Vũ Thế Bình, Phó Chủ tịch Hiệp hội Du lịch Việt Nam, Chủ tịch Hiệp hội Lữ hành Việt Nam.
THÀNH VIÊN:	Đỗ Thị Hồng Xoan, Phó Chủ tịch Hiệp hội Du lịch Việt Nam, Chủ tịch Hiệp hội Khách sạn Việt Nam.
CỐ VẤN KỸ THUẬT:	Nguyễn Phương Anh, Nguyễn Phó Vụ trưởng phụ trách Vụ Khách sạn, Tổng cục Du lịch.
THIẾT KẾ MỸ THUẬT:	Công ty TNHH Truyền thông PLANORAMA
THIẾT KẾ BÌA:	Lê Hoàng
NHÀ XUẤT BẢN:	Thanh Niên
SỐ LƯỢNG BẢN IN:	600
KHỔ GIẤY PHÉP XUẤT BẢN:	150cm x 210cm
GIẤY PHÉP XUẤT BẢN SỐ:	505-2012/CXB/85-16/TN

In xong và nộp lưu chiểu Quý I năm 2013.